

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại quốc tế thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, điều này tạo cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhưng cũng không ít thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào những cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là thất bại và phá sản hoặc là tạo dựng được uy tín và phát triển bền vững. Vì vậy, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng tìm mọi biện pháp để nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thu được nhiều lợi nhuận nhất. Để đạt được mục tiêu này, nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức được vai trò của những thông tin kinh tế như: Quan hệ cung - cầu, mặt hàng giá cả, tình trạng cạnh tranh, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp... Các thông tin số liệu này chỉ có kế toán mới thu thập và tổng hợp được, qua đó giúp cho nhà quản trị hiểu được tình hình tài chính của doanh nghiệp, chính sách phát triển kinh tế của nhà nước Việt Nam cũng như chính sách kinh tế của các quốc gia có quan hệ thương mại và đầu tư để từ đó đưa ra những quyết định phù hợp nhằm gia tăng mức độ thỏa mãn nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng. Hiểu được tầm quan trọng của các thông tin kế toán, các doanh nghiệp luôn muốn tổ chức công tác kế toán của mình thật hoàn chỉnh mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên không phải doanh nghiệp nào cũng làm được điều này vì còn phải cân nhắc đến yếu tố chi phí. Để xây dựng được bộ máy kế toán đảm bảo thực hiện tốt chức năng phản ánh và giám đốc (hai chức năng quan trọng của kế toán) là không phải dễ dàng trong điều kiện kinh phí hạn hẹp.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T. Trong quá trình đó luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này được gọi là Vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung nên trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra thất thoát ô lãng phí do vậy vốn bằng tiền cần được quản lý một cách chặt chẽ.

Xuất phát từ lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền của Xí nghiệp, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ nhiệt tình của cô chú anh chị trong ban Tài chính- Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô Hòa Thị Thanh Hương em đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ”.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền và tổ chức công tác vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Phần 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Phần 3: Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp Dỡ Chùa Vẽ.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán vốn bằng tiền rất phức tạp nên bản luận văn mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC CÔNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền.

1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền.

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, một doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường là làm ăn có hiệu quả thì nhất thiết phải có một lượng vốn nhất định. Qua mỗi giai đoạn vận động không bao giờ ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, nó tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Đặc điểm vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước.

1.1.3 Phân loại vốn bằng tiền.

- Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành.
 - + Tiền Việt Nam
 - + Ngoại tệ
 - + Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý.
- Nếu phân loại theo hình thái tồn tại Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:
 - + Tiền tồn tại quỹ: Gồm giấy bạc việt nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiệ đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hằng ngày trong sản xuất kinh doanh.

+ Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc ngưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, kho bạc hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo của đơn vị được hưởng thụ.

1.1.4 Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4.1 Vị trí.

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn bằng tiền nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

1.1.4.2 Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.1.5 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

1.1.5.1 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi

ro cao hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết.

Trong quản lý người ta thường sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các loại tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả sao nhất.

1.1.5.2 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- ✓ Theo dõi tình hình thu chi, tăng giảm, thừa thiếu số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- ✓ Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- ✓ Giám đốc thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- ✓ Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2 Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

1.2.1 Những quy định chung về hạch toán vốn kế toán vốn bằng tiền.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh, để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các tài khoản 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước- Xuất trước, Nhập sau – Xuất trước, Giá thực tế đích danh (Như một loại hàng hóa đặc biệt).

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính (Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh , kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong hoạt động đầu tư XD CB) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB- giai đoạn trước hoạt động) Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập BCTC năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại” (TK ngoại bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có đăng ký kinh doanh, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, Bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi số lượng , trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng ,

bạc, kim khí quý, đá quý được thanh toán, khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nhóm tài khoản 11- Vốn bằng tiền, có 3 tài khoản:

- TK 111- Tiền mặt
- TK 112- Tiền gửi ngân hàng
- TK 113- Tiền đang chuyển.

1.2.2 Hạch toán kế toán tiền mặt.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được lập và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2.1 Kế toán chi tiết tiền mặt.

a, Đối với tiền mặt và tiền việt nam.

❖ Các chứng từ, sổ sách sử dụng.

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở lệnh thu, chi kế toán tán thành lập các phiếu thu, chi.

Phiếu thu(hoặc phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên(đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định). Sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “ đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng

quyển và phải ghi sổ từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi phiếu thu(phiếu chi), sổ của từng phiếu thu, phiếu chi phải được đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào TK 111 có cần các chứng từ gốc có liên quan khác và phiếu thu hoặc phiếu chi như giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a-DN tương tự sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F”tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có Tk 111- Tiền mặt.

❖ Nguyên tắc hạch toán.

- Chỉ phản ánh vào Tk 111” Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “ Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “ Tiền đang chuyển”
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký quỹ, ký cược tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành Nhập, Xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ xuất ký đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản phải thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền

mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm kê trả lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b, Đối với tiền mặt là ngoại tệ.

❖ Các quy định chung:

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ Liên Ngân hàng do Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước- Xuất trước, Nhập sau-Xuất trước, Giá thực tế đích danh(như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam , kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa tài sản cố định dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413-Chênh lệch tỷ giá.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413.

❖ Hạch toán thu đối với ngoại tệ.

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang đồng Việt Nam.

❖ Hạch toán chi đối với ngoại tệ

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ là tỷ giá phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên TK 515(Nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc TK 635 -Chi phí tài chính (Nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

❖ Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Đơn vị tiền tệ bằng với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái(Lãi hoặc Lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB(giai đoạn trước hoạt động), (TK 4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh(TK 4131).

c, Đối với tiền mặt là Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111(1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo tỷ giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp bình quân gia quyền, Nhập trước-Xuất trước, Nhập sau-Xuất trước hay phương pháp thực tế đích danh.

1.2.2.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt.

*Chứng từ sổ sách sử dụng.

Cũng tương tự như kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng. Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền kế toán sẽ lập phiếu thu(phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển chủ thủ quỹ thu tiền và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó kế toán tiền mặt sẽ tiến hành định khoản, ghi sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán tiền mặt đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và các bảng báo cáo kế toán khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111”Tiền mặt”, kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ(đối với tiền mặt ngoại tệ)

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ(đối với tiền mặt ngoại tệ)

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

TK 111-Tiền mặt, Có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1111-Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt.
- TK 1112- Tiền ngoại tệ : Phản ánh tình hình thu, chi ngoại tệ.

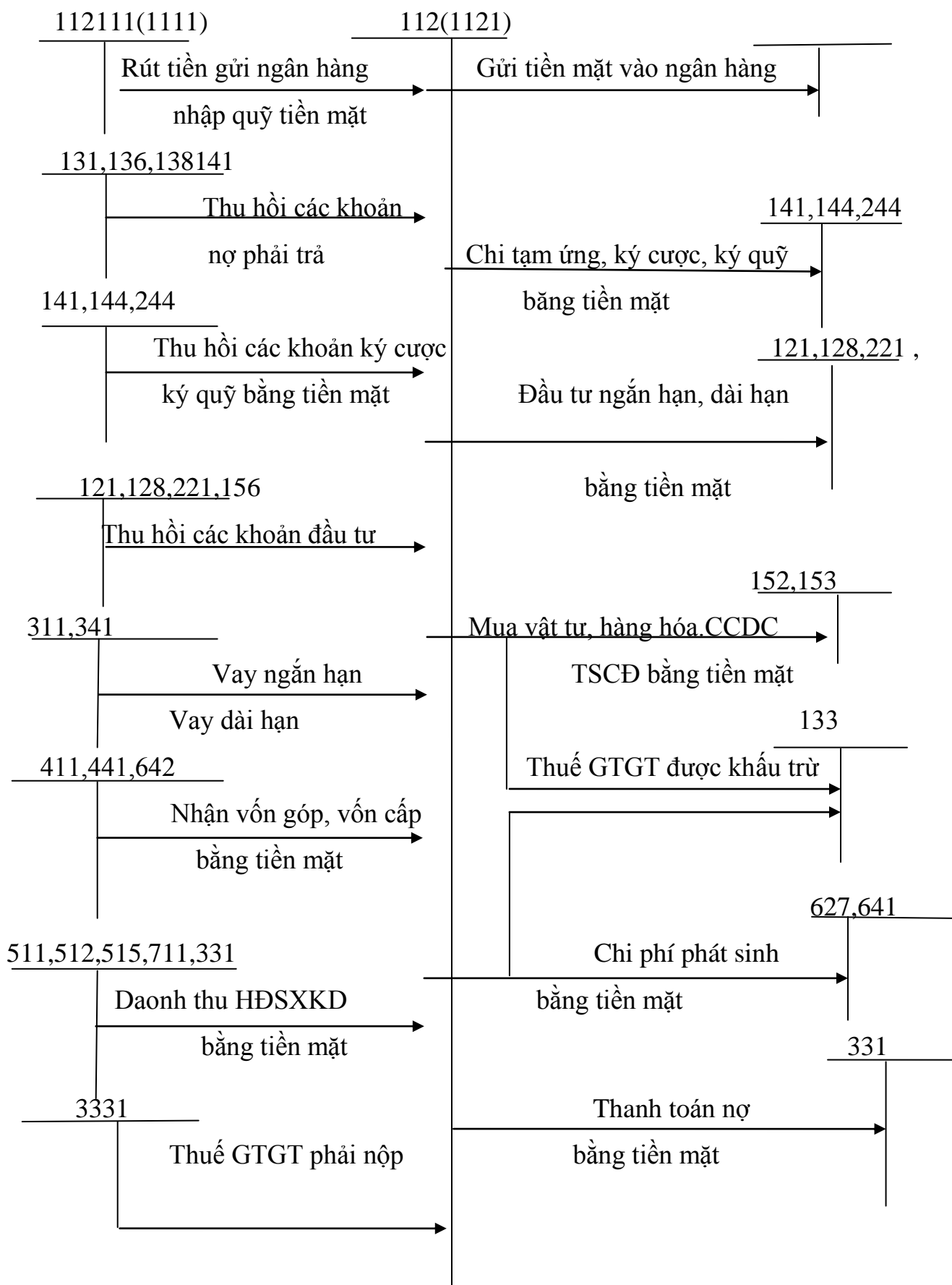
-TK 1113- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất tồn quỹ.

❖ ***Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.***

* Kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam.

Hạch toán kế toán tiền mặt Việt Nam đồng được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.1)

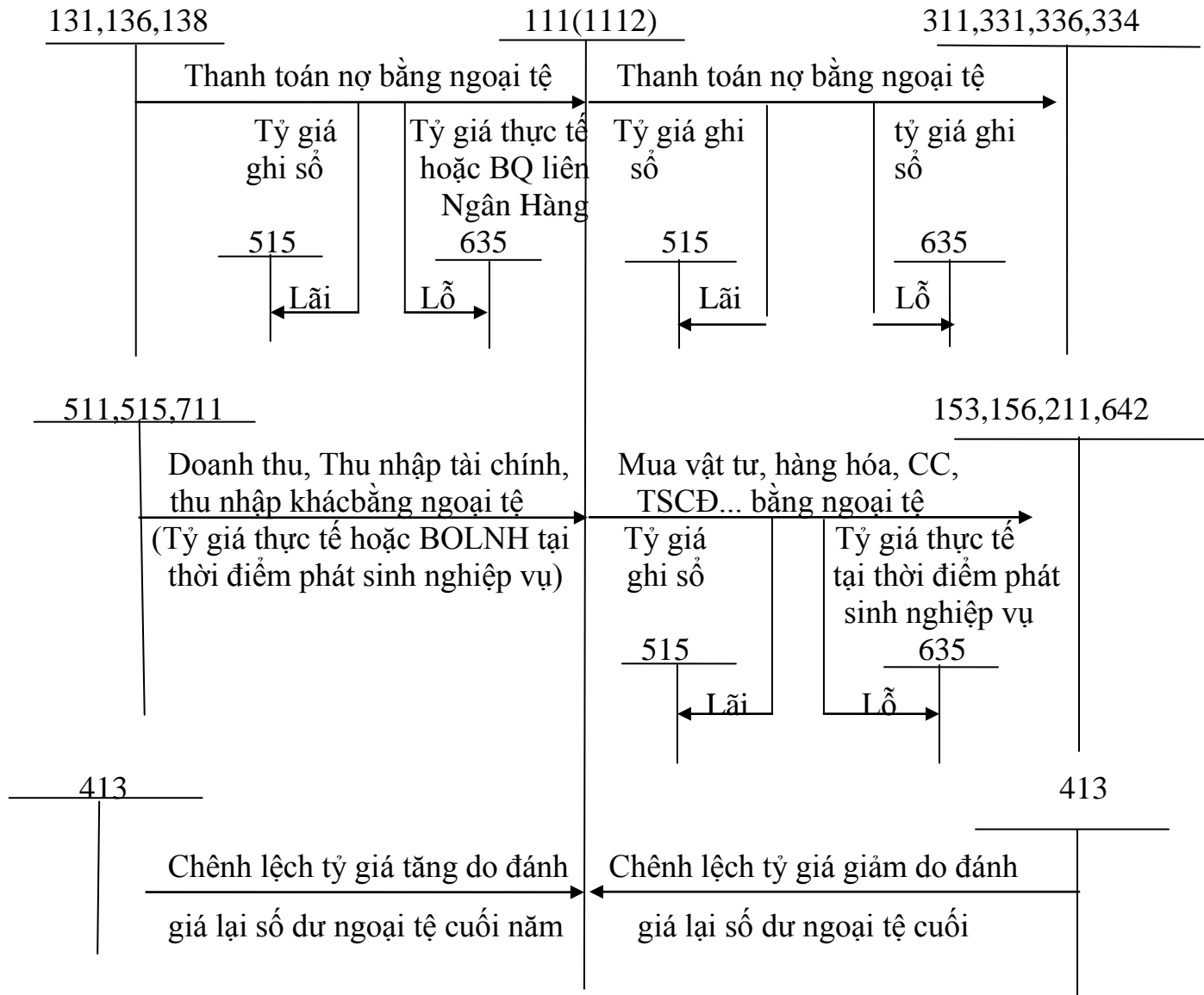
Sơ đồ 1.1: Hạch toán kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam.



b, Kế toán tiền mặt là ngoại tệ.

Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.2)

Sơ đồ 1.2: Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi giảm TK 007-Ngoại tệ các loại

TK 007	
Thu nợ bằng ngoại tệ, Doanh thu, Thu nhập tài chính, Thu nhập khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ, ..bằng ngoại tệ

1.2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, Ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1 Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.

a, Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam.

**Chứng từ, sổ sách dùng để hạch toán chi tiết tiền gửi Ngân Hàng.*

- Các giấy báo Có, báo Nợ, Bản sao kê của Ngân Hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyên khoản, séc định mức, séc báo chi, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu.
- Số tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ(S31-DN), Sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng.*

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (UNC, UN thu, Séc chuyên khoản, séc báo chi,...)

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, Số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi số theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ, báo có hoặc bản sao kê, số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên nợ TK 138 “Phải thu khác”(1388)(Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” (3388)(Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng).

Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ:

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đông Việt Nam, ngoại tệ các loại)

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b, Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

*Sổ sách sử dụng.

Số tiền gửi Ngân Hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ(S32-DN), Sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ(S33-DN)

*Nguyên tắc hạch toán.

Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân Hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh(Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân Hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp:BQGQ, NT-XT, NS-XT, thực tế đích danh.

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh(kể cả hoạt động đầu tư XD CB của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”(Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ Tk 635 “ Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB(giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết Tk 007.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân Hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động)vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất kinh doanh vào Tk 4131.

1.2.3.2 Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân Hàng.

*Chứng từ, sổ sách sử dụng.

Giấy báo Nợ, giấy báo Có, bản sao kê, lệnh chuyển có, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi...

Ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan.

*Tài khoản sử dụng.

Hạch toán tiền gửi ngân hàng(Tiền gửi ngân hàng) được thực hiện trên tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng: Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

-Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra tiền gửi ngân hàng.

-Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

TK 112-Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

-TK 1121-Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào , rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

-TK1122-Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

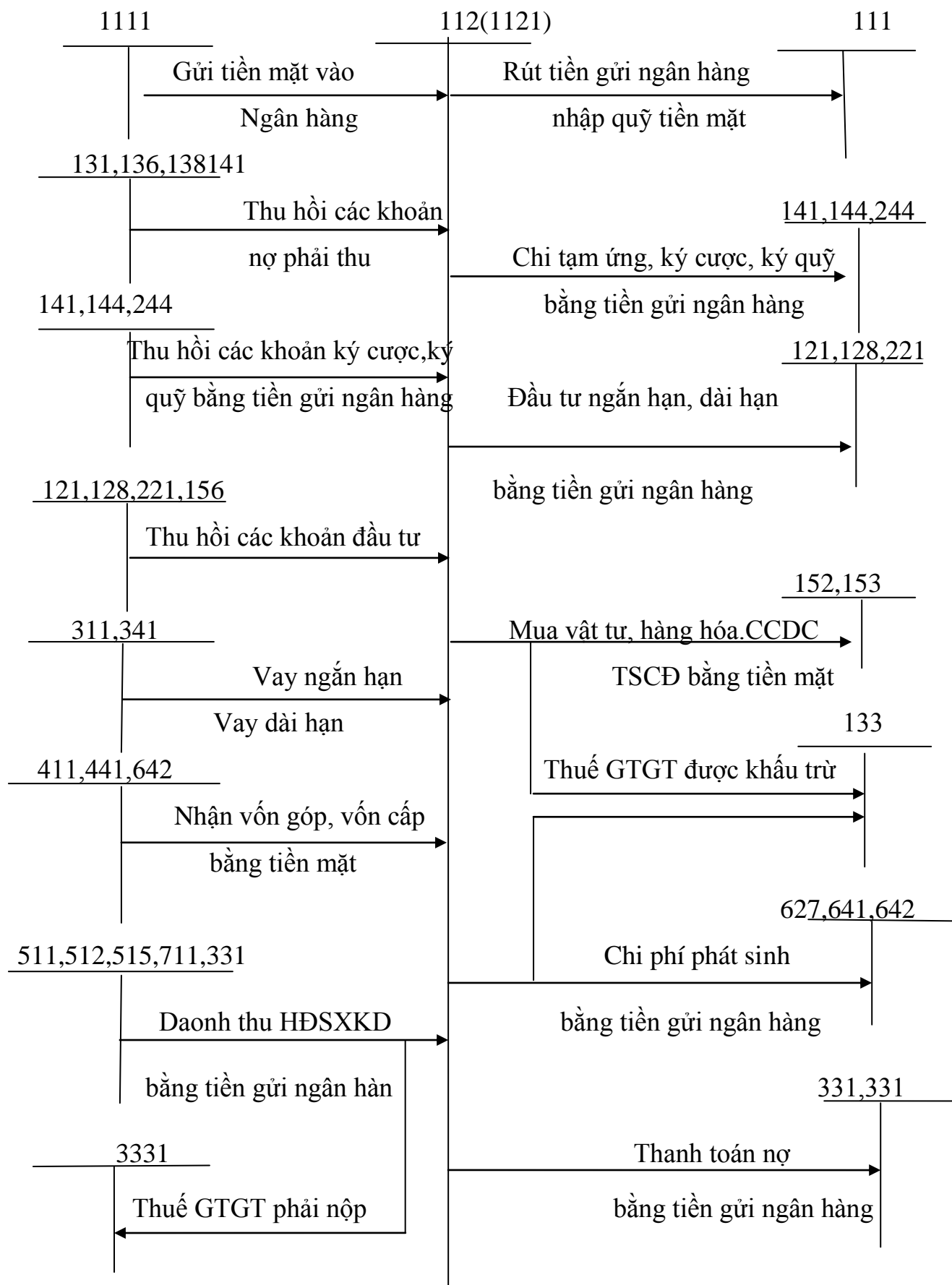
-TK1123-Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân Hàng

❖ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

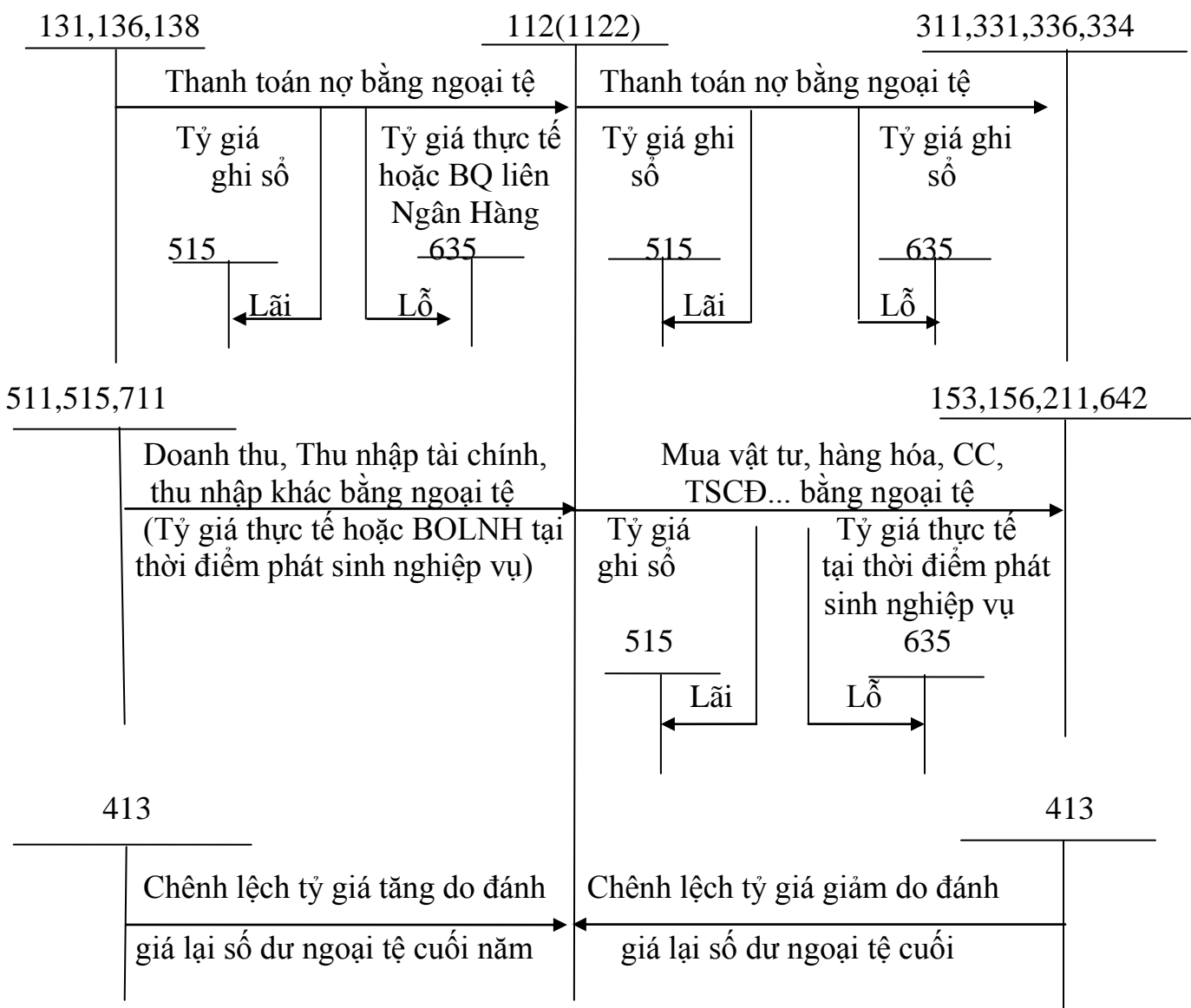
a, Kế toán tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam.

Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam



Sơ đồ 1.4: Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi giảm TK 007-Ngoại tệ các loại

TK 007	
Thu nợ bằng ngoại tệ, Doanh thu, Thu nhập tài chính, Thu nhập khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ, ..bằng ngoại tệ

1.2.4 Kế toán tiền đang chuyển .

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc(Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng làm căn cứ hạch toán tiền đang chuyển gồm:

- Phiếu chi, giấy nộp tiền, biên lai thu tiền, phiếu chuyển tiền, bảng kê nộp séc....
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như:séc các loại , UNC, UN thu.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK113 “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền việt nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng , hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

TK 113-Tiền đang chuyển , có 2 tài khoản cấp 2

-TK1131-Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

-TK1132-Ngoại tệ : Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển.

1.2.4.3 Nguyên tắc kế toán đang chuyển.

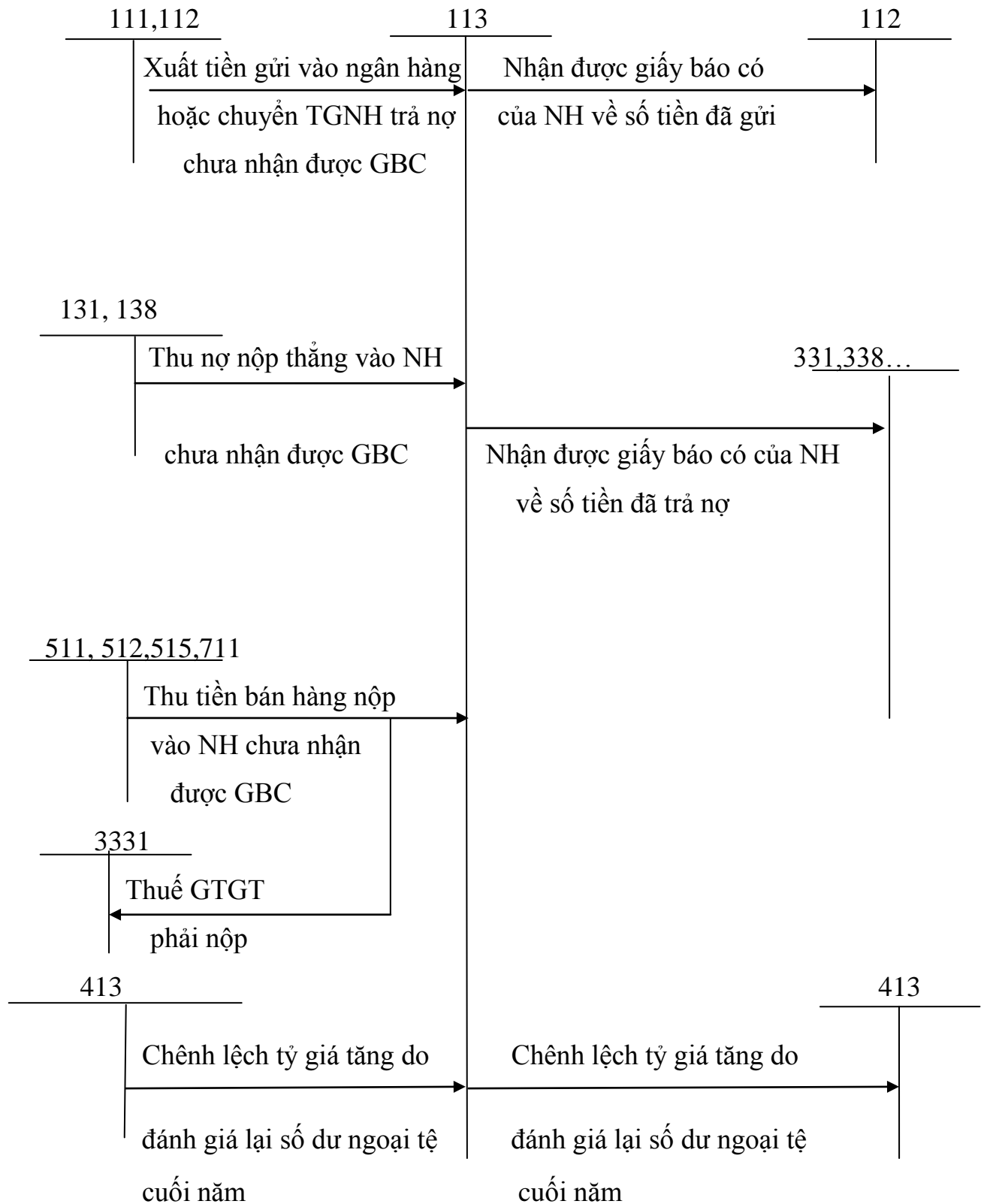
Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê chi tiết của ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng hco ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác .
- Các khoản tiền cấp phát , trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo có. Kết toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:
- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời gian giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời .
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

❖ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

Hạch toán kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau(1.5)

Sơ đồ 1.5: Hạch toán kế toán tiền đang chuyển.



1.2.5 Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.

Thực hiện ghi chép vào sổ kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan Nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- + Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- + Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- + Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
- + Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung; Hình thức Nhật ký – Sổ cái; Hình thức Nhật ký- Chứng từ; Hình thức Chứng từ ghi sổ; Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với các hình thức kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô, trình độ nghiệp vụ mà kế toán lựa chọn hình thức kế toán phù hợp. Theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại quyết định 15/2006 ngày 20/03/2006 thì doanh nghiệp có thể tổ chức hệ thống sổ kế toán theo một trong năm hình thức sổ kế toán trên.

1.2.5.1 Hình thức Nhật ký chung

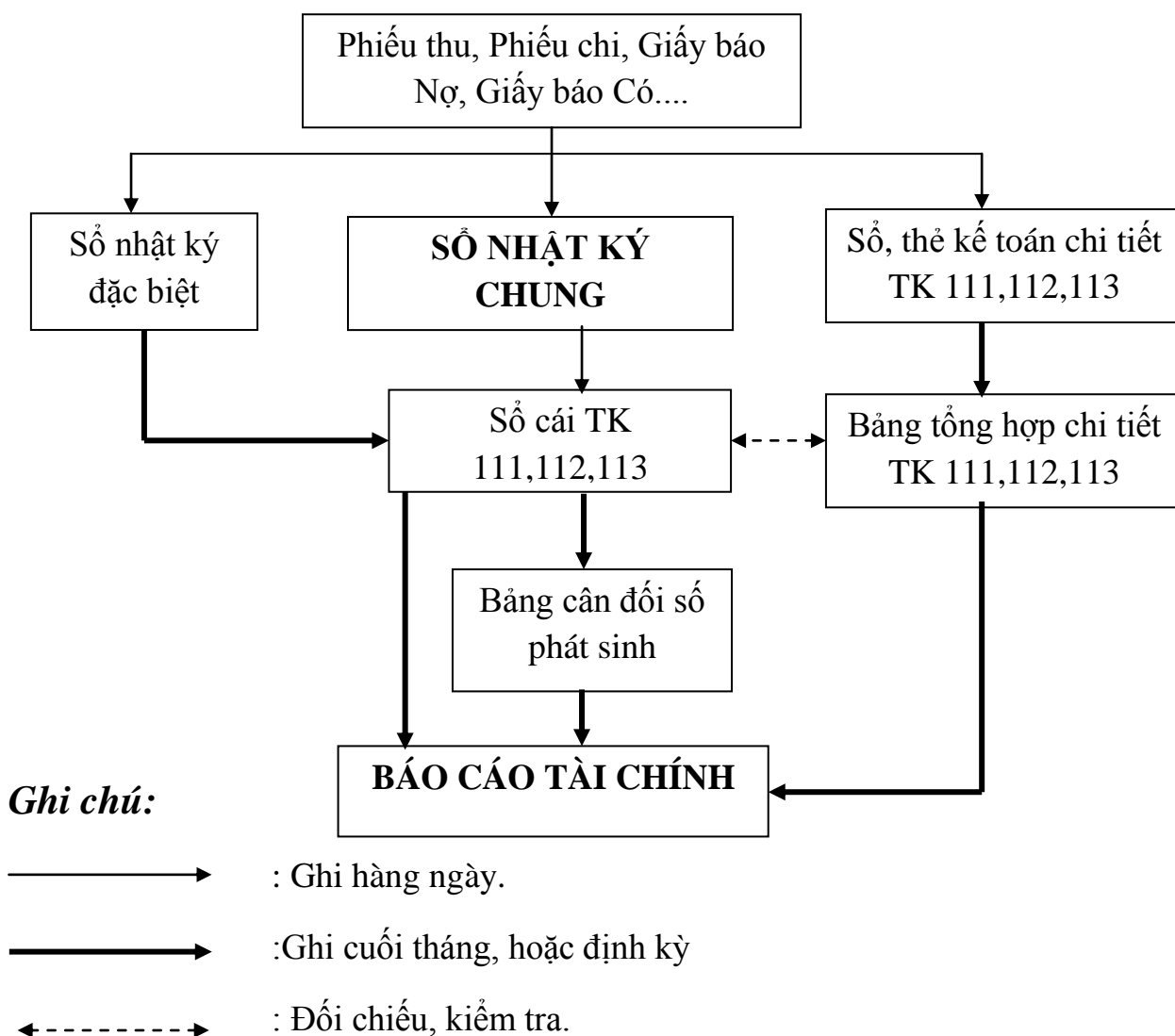
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kế toán tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ

Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế nào đã ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt thì k ghi vào sổ Nhật ký chung nữa. Trường hợp được vị có mở sổ chi tiết, kế toán căn cứ chứng từ gốc để ghi sổ chi tiết, định kỳ căn cứ vào sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ kế toán chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ Cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chung



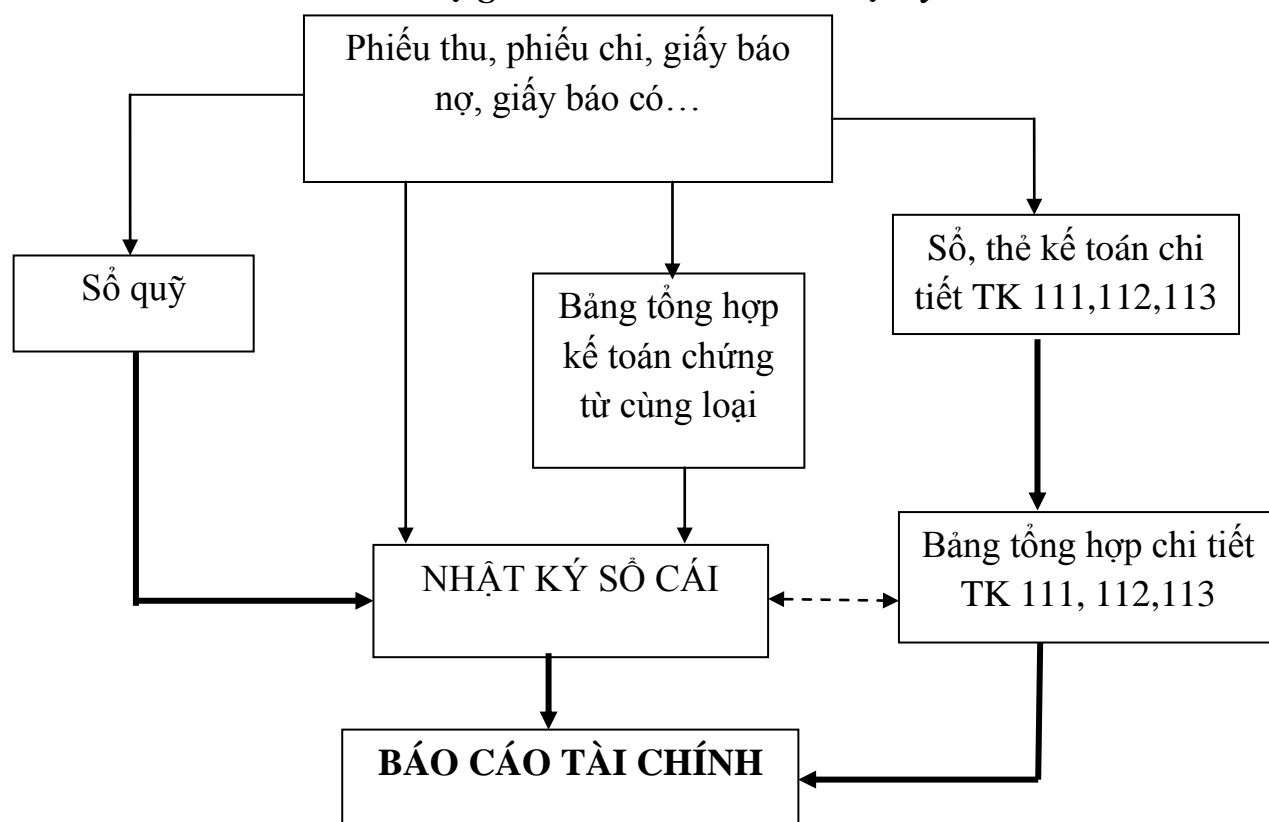
1.2.5.2 Hình thức Nhật ký- Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái bao gồm các loại sổ kế toán chủ yếu sau: Nhật ký- Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký –Sổ cái



Ghi chú:

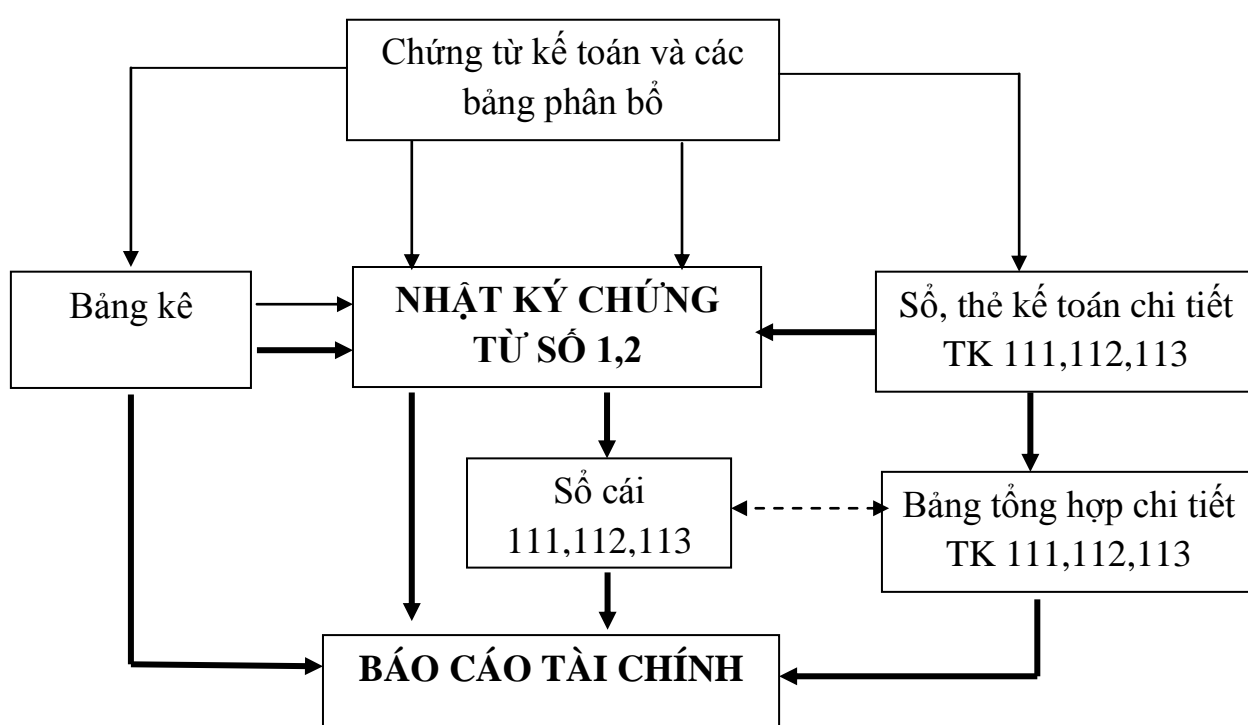
- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra.

1.2.5.3 Hình thức Nhật ký-Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm các loại sổ kế toán chủ yếu sau: Nhật ký chứng từ số(1-10), Bảng kê (1-11 trừ bảng kê số 7), Sổ Cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chứng từ



Ghi chú:

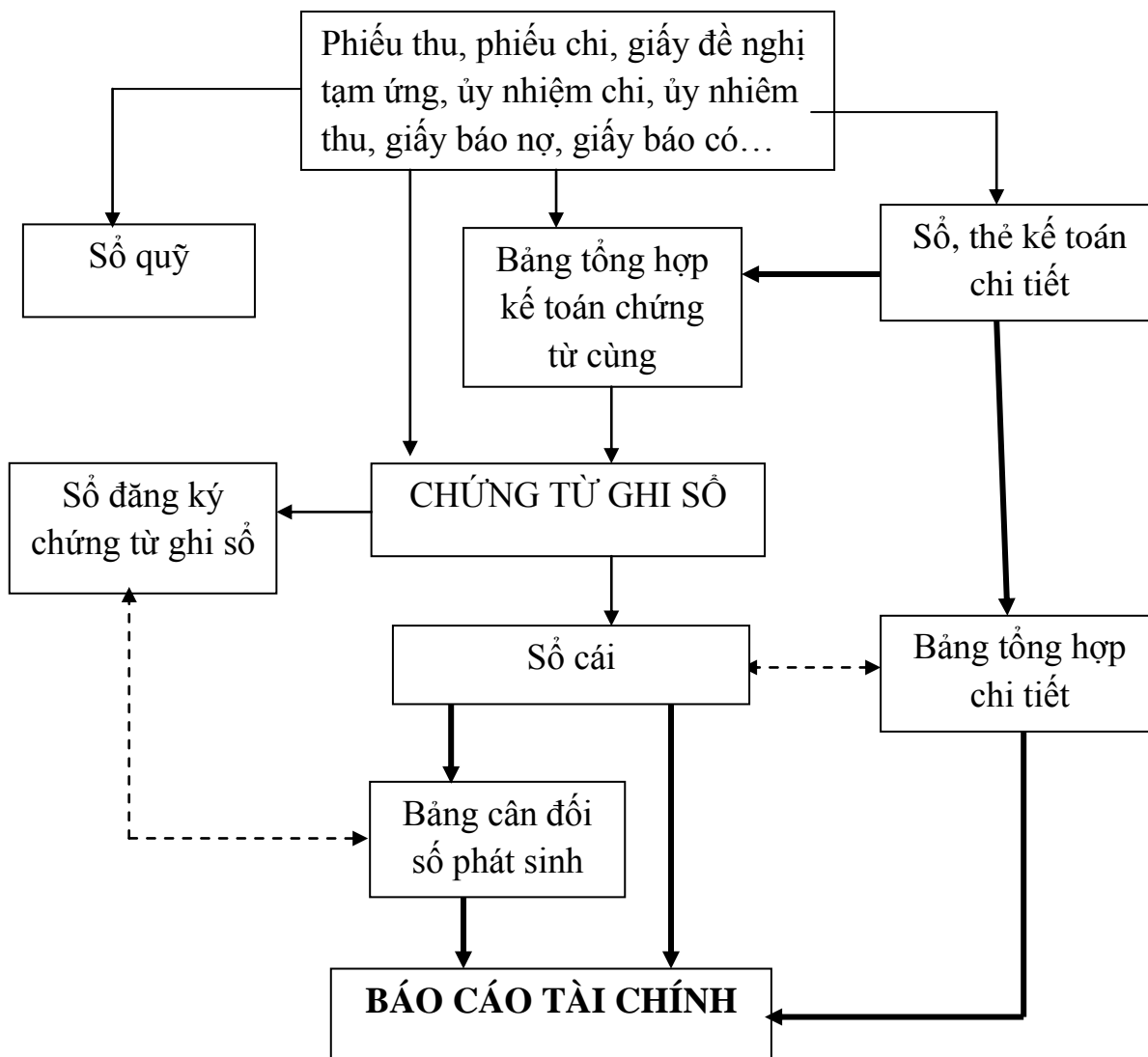
- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ.
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra.

1.2.5.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

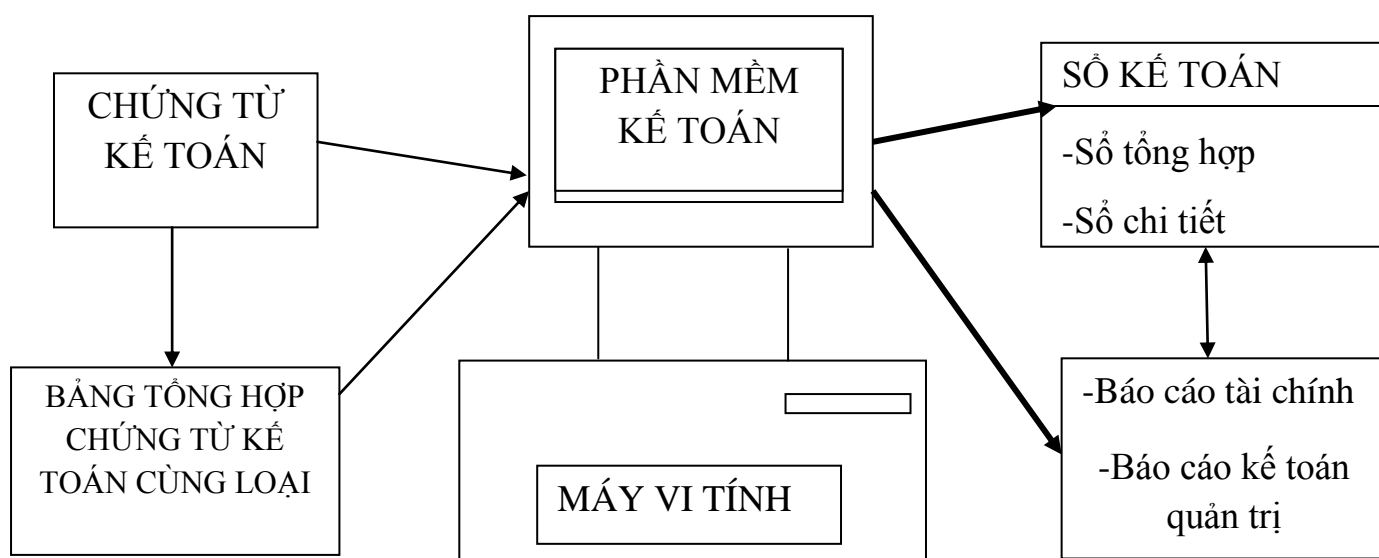
- > : Ghi hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

1.2.5.5 Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán được nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

PHẦN II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

2.1 Giới thiệu chung về Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ là đơn vị thành viên xí nghiệp liên hiệp Hải Phòng, được xây dựng năm 1997 do yêu cầu mở rộng, phục vụ tính chất sản xuất kinh doanh đa dạng hóa.

Trước năm 1995 xí nghiệp gồm hai khu vực:

Khu vực 1: Xây dựng phòng ban, nơi giao dịch và điều hành hoạt động Cảng. Trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ bao cấp cảng chủ yếu khai thác hàng bách hóa, hàng viện trợ và nông sản xuất khẩu.

Khu vực 2: Trong thời kỳ chiến tranh chủ yếu khai thác hàng quân sự và vật liệu xây dựng.

Đến năm 1995 do yêu cầu tổ chức sản xuất tách ra làm hai xí nghiệp: Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ và xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá. Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ được giữ nguyên về cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ.

Sau hai năm 1995-1996 được bộ giao thông vận tải và Cảng Hải Phòng đầu tư xây dựng, xí nghiệp đã thay đổi cơ bản về quy mô. Xí nghiệp làm mới 70.000 m² bãi, xây dựng nhà điều hành sản xuất, kho CFS, một số công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt, trang bị một số phương tiện, thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất.

Ngày 13/7/2000 sau khi cải tạo và xây dựng, bến container Chùa Vẽ thuộc dự án cải tạo và nâng cấp cảng Hải Phòng đã chính thức đi vào hoạt động. Hiện nay xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ vẫn đang tiếp tục nhận vốn ODA để cải tạo và nâng cấp Cảng. Tương lai đây sẽ là một bến cảng hiện đại và lớn nhất miền Bắc.

Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ là đơn vị phụ thuộc của công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng có đầy đủ tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân

hàng, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức nhân sự theo phân cấp của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng. Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng- Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ có trụ sở tại đường bao Trần Hưng Đạo, quận Hải An thành phố Hải Phòng.

Cảng Chùa Vẽ hiện có 5 cầu tàu dài 895m, 3200 m²kho CFS, bãi container rộng 140.000 m²và có hệ thống đường sắt dài 2 km.

2.1.1.1 Tình hình, đặc điểm của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Tên đầy đủ của xí nghiệp: Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng- Xí nghiệp Xếp Dỡ Chùa Vẽ.

Tên viết tắt: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Địa chỉ:Đường bao Trần Hưng Đạo, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP.Hải Phòng

Điện thoại: (84-31).3765784

Fax:(84-31).3765784.

Đơn vị chủ quản lý: Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ hoạt động trên một số lĩnh vực :

- Xếp dỡ container tại cầu và vùng nước với công nghệ hiện đại năng suất cao- an toàn-hiệu quả.
- Các dịch vụ thuê bãi, giao nhận, đóng rút hàng, phục vụ, kiểm hóa kiểm dịch.
- Dịch vụ kho CFS: gom hàng và phân phối hàng lẻ.
- Cân container và hàng hóa bằng cân điện tử 80 tấn.
- Sửa chữa các phương tiện vận tải bộ, các thiết bị bốc xếp vệ sinh và sửa chữa container.
- Vận tải container và hàng hóa khác bằng đường bộ.

Các bộ phận phòng ban của xí nghiệp chủ động xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của xí nghiệp phù hợp với yêu cầu khách hàng và yêu cầu của các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Bảo toàn và phát triển vốn, khai thác sử dụng hợp lý bảo đảm tính hiệu quả. Chú trọng đầu tư mở rộng nguồn khách hàng cũng như khách hàng, chủ hàng, đảm bảo kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các chế

độ chính sách về quản lý kinh tế, tôn trọng pháp luật, thực hiện công bằng xã hội. Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên, làm tốt công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ trong quá trình hoạt động.

2.1.2.1 Thuận lợi.

Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ là một trong những Cảng Container lớn nhất và được đầu tư nguồn vốn lớn nhất trong tất cả các Cảng trực thuộc Cảng Hải Phòng. Với đội ngũ cán bộ công nhân chuyên nghiệp được trang bị cơ sở khoa học công nghệ tiên tiến nhất.

Ba năm gần đây, Cảng Chùa Vẽ có doanh thu ngày càng phát triển mạnh do có cơ sở vật chất tiên tiến, với nhiều cần cẩu dàn, cần cẩu chân đế, xe nâng chụm...có công suất lớn. Cảng Chùa Vẽ có bãi container lớn nhất trong các Cảng, với hệ thống kho bãi rộng lớn tạo điều kiện bảo quản và lưu trữ hàng hóa.

Cảng Chùa Vẽ là Cảng có nhiều cầu tàu nhất của Hải Phòng vì vậy rất thuận tiện cho việc neo đậu của các cầu tàu nước ngoài cập bến, nhập hàng và xuất khẩu hàng trong nước và ngoài nước.

2.1.2.2 Khó khăn.

Phạm vi hoạt động SXKD của Xí nghiệp chủ yếu là bốc xếp hàng hóa, thuê kho bãi. Tốc độ phát triển đến mức đột biến vào những năm gần đây, lượng hàng hóa ra vào Cảng ngày càng tăng dẫn đến thiếu kho bãi và máy móc không đủ để phục vụ, đó là khó khăn lớn nhất mà Xí nghiệp đang gặp phải.

2.1.2.3 Những thành tích cơ bản mà Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ đạt được trong những năm gần đây.

Trải qua quá trình phát triển, là Xí nghiệp Xếp dỡ lớn nhất miền Bắc, Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ được đầu tư nguồn vốn ngân sách lớn nhất toàn Cảng Hải Phòng, và được viện trợ vốn ODA hàng năm để xây dựng Xí nghiệp. Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ khi mới xây dựng gồm 2 cầu cảng chính, khi được viện trợ xây

dựng nguồn kinh phí Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ có thêm 5 cầu Cảng nữa và là Xí nghiệp có nhiều cầu cảng nhất trong khu vực Miền Bắc.

Để lập thành tích chào mừng kỷ niệm 81 năm ngày truyền thống công nhân Cảng Hải Phòng(24/11/1929-24/11/2010) cán bộ công nhân viên toàn cảng đã sôi nổi trong phong trào thi đua, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Cảng Chùa Vẽ là cảng đi đầu trong việc thi đua lập thành tích về xếp dỡ hàng hoá.

Những thành tích mà Xí nghiệp đạt được thể hiện cụ thể trong bảng kết quả về một số chỉ tiêu chủ yếu của Xí nghiệp ba năm gần đây như sau:

stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Sản lượng bốc xếp	356.986	436.876	534.935
2	Doanh thu	14.572.089.636	20.018.244.672	22.735.365.324
3	Thu nhập bình quân	3.220.500	4.450.500	5.570.700
4	Số người lao động	524	467	436
5	Tổng vốn kinh doanh	9.436.015.200	19.447.656.377	21.613.695.139

Qua những số liệu trên ta thấy được chỉ trong 3 năm sản lượng bốc xếp của xí nghiệp đã tăng từ 356.986 tấn năm 2008, sang năm 2010 xí nghiệp đã đạt được 534.935 tấn, về số tương đối tăng lên 66%. Từ đó cũng làm cho doanh thu của xí nghiệp tăng từ 14.572.089.636 năm 2008 lên đến 22.735.365.324 năm 2010, về số tương đối tăng lên 56,02%. Doanh thu và sản lượng bốc xếp tăng lên là do:

Thứ nhất: Xí nghiệp đã được Cảng giao cho quản lý và sử dụng giá trị lớn hơn cụ thể năm 2008, tổng vốn kinh doanh của Xí nghiệp quản lý chỉ có 9.436.015.200 thì đến năm 2010 tổng vốn kinh doanh tăng lên gấp đôi. Đến năm 2010 tổng vốn kinh doanh là 21.613.695.139.

Thứ hai: Số lượng lao động trong xí nghiệp giảm đi đáng kể, cụ thể: năm 2008 số lượng lao động trong xí nghiệp là 524 người thì sang năm 2010 số lượng lao động trong xí nghiệp giảm đi còn 436 người. Điều này chứng tỏ xí nghiệp đã sử dụng khoa học kỹ thuật. Xí nghiệp luôn đặt ra mục tiêu cho mình là phải nâng cao thu nhập cho mỗi công nhân. Năm 2008 thu nhập bình quân mỗi lao động là

3.220.500 thì sang năm 2010 thu nhập bình quân mỗi lao động đạt 5.570.700 tăng trên 50% về mặt tương đối.

Những thành tựu trên của xí nghiệp tuy không lớn nhưng thể hiện quyết tâm muốn phát triển, muốn thành công của toàn bộ công nhân viên trong xí nghiệp.

2.1.2.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

Căn cứ vào quy mô, chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ đã tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng (**Sơ đồ 2.1**)

❖ Chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các phòng ban, bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Xí nghiệp:

a, Giám đốc Xí nghiệp:

Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Là người chịu trách nhiệm trước Xí nghiệp và các cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp về thu nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.

Điều hành trực tiếp và giao nhiệm vụ tham mưu cho 3 Phó Giám đốc theo chức năng của mỗi người.

Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm:

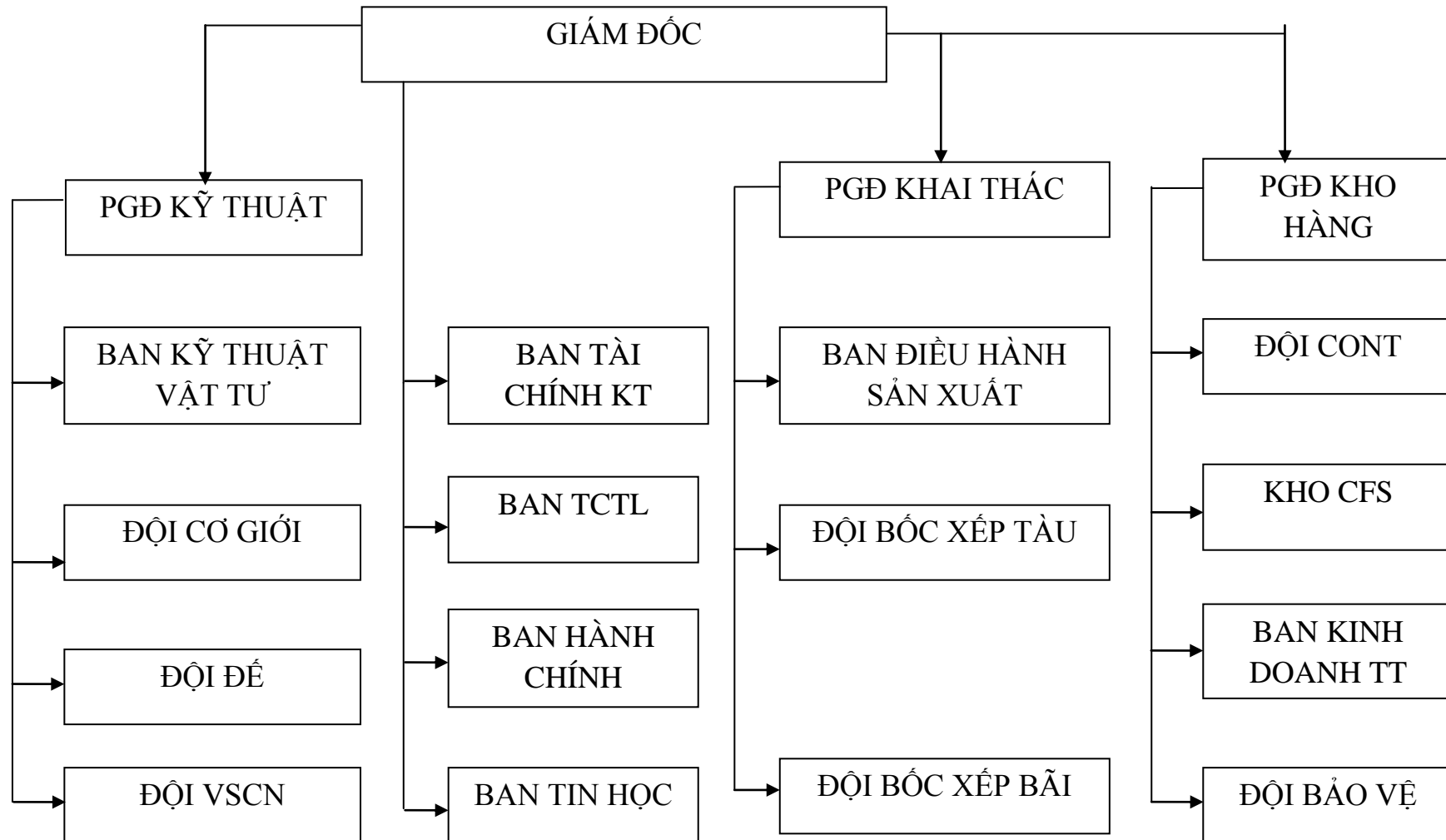
- Ban tổ chức hành chính về một số tổ chức nhân sự, lao động tiền lương.
- Ban kế hoạch về kế hoạch SXKD và ký kết các hoạt động kinh tế.

Phòng kế toán tài chính về quản lý tài chính, quản lý chi phí trong hoạt động SXKD về báo cáo tài chính và các khoản thu nộp.

b) Các phó giám đốc:

Được thay mặt cho giám đốc phụ trách một lĩnh vực chuyên môn của mình theo chức năng, quyền hạn được giao. Trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm báo cáo trước giám đốc về các mặt công tác được phân công. Thay mặt giám đốc trong công tác quan hệ với các đơn vị phòng ban của cảng và cơ quan trong phạm vi trách nhiệm được

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.



*** Phó giám đốc kho hàng:**

Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quản lý giao nhận kho hàng, đội container và kho CFS.

Phó giám đốc kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng các loại phương tiện, thiết bị, cơ giới phục vụ xếp dỡ, vận chuyển hàng hoá. Đảm bảo ánh sáng, vật tư, vật liệu, phục vụ cho sửa chữa và vận hành phương tiện thiết bị. Trực tiếp quản lý chỉ đạo các đội vận chuyển, đội cơ giới, đội đê, đội xây dựng và vệ sinh công nghiệp, kho vật tư.

Các ban nghiệp vụ và các đơn vị trực tiếp sản xuất:

a) Các ban nghiệp vụ

*** Ban kỹ thuật và vật tư:**

Tham mưu cho giám đốc và phó giám đốc kỹ thuật về công tác kỹ thuật, vật tư, quy trình công nghệ an toàn xếp dỡ và an toàn lao động. Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất lập các phương án khai thác và sử dụng hợp lý các phương tiện, thiết bị đạt năng suất chất lượng và an toàn. Có sơ đồ theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện, lập định mức sửa chữa, sửa chữa kịp thời thay thế đáp ứng cho sản xuất và đảm bảo an toàn cho phương tiện. Xây dựng phương án mua sắm vật tư, nhiên liệu và công cụ xếp dỡ. Bồi dưỡng tay nghề cho công nhân kỹ thuật, huấn luyện an toàn định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Lập kế hoạch lo trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên. Thường xuyên kiểm tra uốn nắn ngăn chặn những vi phạm không để xảy ra các tai nạn đáng tiếc cho người lao động.

*** Ban tổ chức lao động tiền lương:**

Công tác tổ chức: Tham mưu cho giám đốc về công tác cán bộ, tổ chức sắp xếp bộ máy điều hành sản xuất, đảm bảo các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ công nhân viên trong xí nghiệp, sắp xếp việc làm cho người lao động.

Công tác tiền lương: Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ sản xuất tham mưu cho giám đốc về công tác lao động. Tổ chức sử dụng lao động hợp lý với ngành nghề

đào tạo. Áp dụng định mức lao động vào thực tế, nghiên cứu chính lý đề xuất cải tiến. Tính toán lương cho cán bộ công nhân viên theo chế độ chính sách của nhà nước và đơn giá quy định của cảng.

*** Ban kinh doanh :**

Triển khai kế hoạch của cảng Hải Phòng cho xí nghiệp trên cơ sở phân bổ kế hoạch từng tháng, quý cho từng đơn vị thực hiện. Viết hoá đơn thu cước xếp dỡ đơn độc thu nợ các khoản nợ của chủ hàng với xí nghiệp. Theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng, doanh thu, giá thành, tiền lương...Tập hợp số liệu thống kê, thực hiện làm cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

*** Ban tài chính kế toán**

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về công tác tổ chức thống kê, kế toán, tổ chức hạch toán quá trình SXKD, quản lý tài chính của Xí nghiệp.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, trước bộ máy quản lý tài chính cấp trên, trước nhà nước(thuế, tài chính,...) về công tác hạch toán quá trình SXKD và việc chấp hành chế độ kế toán, tài chính.

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Xí nghiệp về chế độ quản lý tài chính, chế độ tiền lương, chi phí....trong mỗi hoạt động SXKD.

*** Ban hành chính:**

Chịu trách nhiệm về công tác văn thư, tổ chức mua sắm trang thiết bị, quản lý thiết bị văn phòng, tổ chức tiếp khách, hội họp và các công tác khác.

*** Ban tin học:**

Chịu trách nhiệm trong mua sắm trang thiết bị máy tính, đào tạo cán bộ công nhân viên trong Xí nghiệp nâng cao trình độ sử dụng máy tính, hiểu và có thể sử dụng thành thạo máy tính.

b) Các đơn vị cơ sở trực tiếp sản xuất:

*** Đội cơ giới:**

Có nhiệm vụ quản lý trực tiếp các phương tiện, thiết bị được xí nghiệp trang bị phục vụ sản xuất. Tổ chức triển khai xếp dỡ, vận chuyển hàng hoá trong cảng

theo các phương án xếp dỡ. Đảm bảo trạng thái kỹ thuật của các thiết bị, tham gia duy trì bảo dưỡng, bảo quản, nghiên cứu các biện pháp tiết kiệm, nhiên liệu, vật tư, khai thác thiết bị có hiệu quả, kéo dài tuổi thọ.

*** Đội cần trục:**

Quản lý cần trục của xí nghiệp, có trách nhiệm sử dụng các phương tiện, thiết bị được giao một cách có hiệu quả, năng suất cao đảm bảo các thiết bị trong tình trạng sẵn sàng phục vụ, đạt các thông số kỹ thuật an toàn.

*** Đội bốc xếp:**

Chịu trách nhiệm các tổ sản xuất, số lượng và thành phần phù hợp với nhiệm vụ trong tổ. Là lực lượng khá đông đảo đảm nhận công tác bốc xếp hàng hoá đáp ứng yêu cầu năng suất, chất lượng và giải phóng tàu nhanh.

*** Đội vệ sinh công nghiệp:**

Chịu trách nhiệm về vệ sinh cầu tàu, kho, bãi khi bị hư hỏng nhẹ. Quét dọn khu vực bãi hàng, cầu tàu, kho chứa bảo đảm vệ sinh công nghiệp tốt phục vụ khai thác, xếp dỡ hàng hoá.

*** Kho CFS :**

Tổ chức giao nhận hàng trong container (chia lẻ). Quản lý lưu kho, bảo quản hàng hoá cho chủ hàng.

*** Đội container:**

Tổ chức giao nhận hàng hoá xuất nhập qua cảng, quản lý việc sắp xếp container trên bãi thuận tiện cho chủ hàng, hãng tàu khi cần luân chuyển hàng container. Giải quyết các thủ tục giao nhận hàng tại cảng, thiết lập chứng từ, phiếu công tác để theo dõi và thanh toán. Đồng thời theo dõi chính xác thời gian container lưu bãi cho xí nghiệp.

2.1.2.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán chính sách kế toán áp dụng tại xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

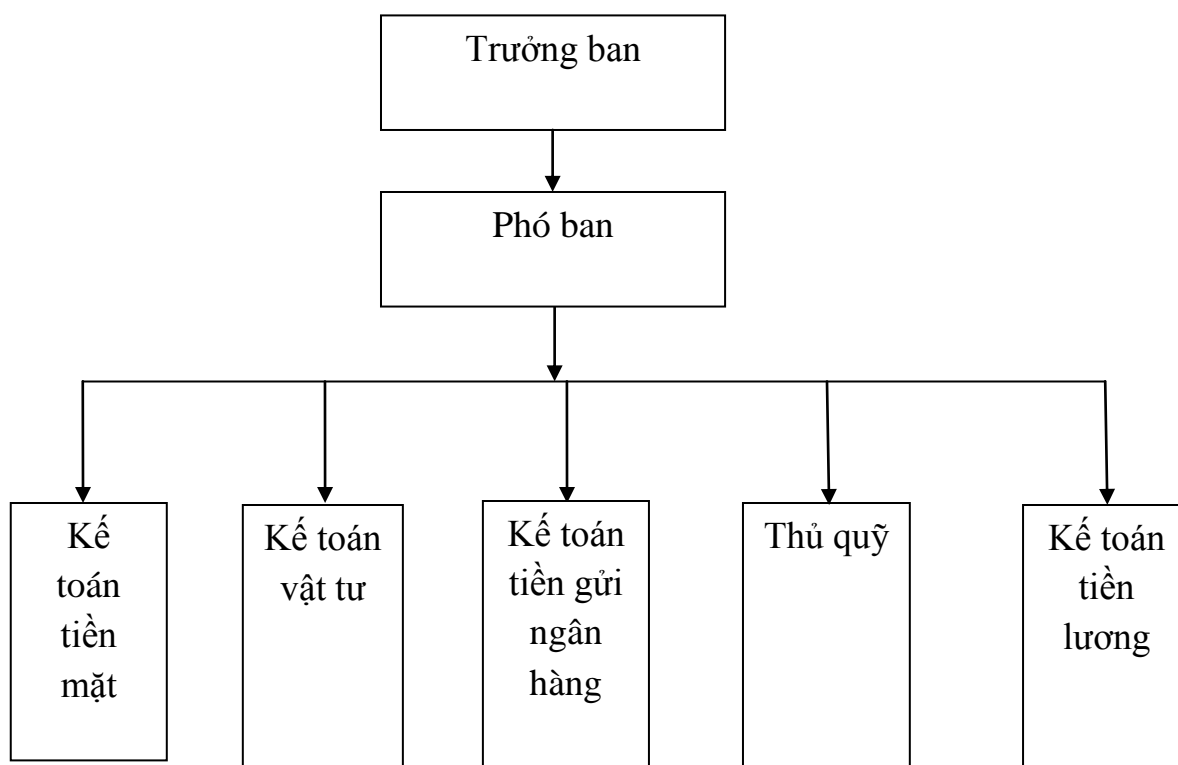
2.1.2.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán :

Xí nghiệp tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở ban kế toán. Tại ban Tài chính- Kế toán, kế toán

tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hóa số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Việc tổ chức bộ máy kế toán tại xí nghiệp tạo ra được các mối quan hệ giữa các phân hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động SXKD của xí nghiệp.

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp hoạt động có hiệu quả, thu thập thông tin nhanh chóng chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí, được trình bày như trang sau (Sơ đồ 2.2)

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.



Theo sơ đồ trên:

- Trưởng ban tài chính kế toán: Là người điều hành mọi hoạt động của ban tài chính kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

- Phó ban: là người có quyền giải quyết các công việc của Kế toán trưởng khi Kế toán trưởng vắng mặt đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu cho Kế toán trưởng

về công tác kế toán. Ngoài ra, phó ban còn có trách nhiệm theo dõi khấu hao TSCĐ của Xí nghiệp.

- Kế toán tiền mặt: Đây là một bộ phận quan trọng của bộ máy kế toán. Kế toán tiền mặt có nhiệm vụ phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình hiện có và luân chuyển vốn bằng tiền. Theo dõi chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi và quản lý tiền mặt.

- Kế toán tiền gửi ngân hàng: Kế toán tiền gửi ngân hàng theo dõi việc thu-chi tiền gửi ngân hàng tại Xí nghiệp, theo dõi tình hình vay nợ ngân hàng, vay công nhân viên chức.

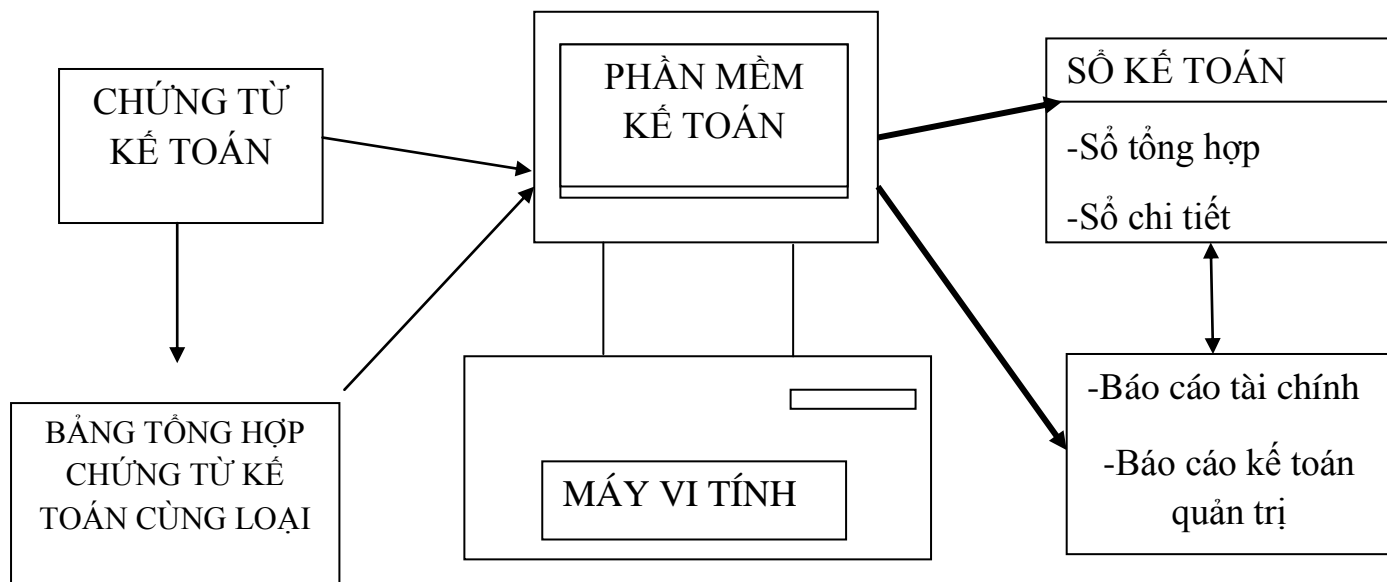
- Kế toán vật tư tài sản: Là người chịu trách nhiệm theo dõi các nghiệp vụ kế toán phát sinh có liên quan đến vật tư, tài sản

- Thủ quỹ: Theo dõi và đảm bảo tiền mặt ở Xí nghiệp, phụ trách các khoản thu-chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ theo dõi và phản ánh việc cấp phát và nhận tiền vào sổ quỹ. Thủ quỹ phải thường xuyên so sánh, đối chiếu tình hình tồn quỹ tiền mặt ở Xí nghiệp với sổ sách có liên quan để kịp thời phát hiện những sai lệch.

2.1.2.5.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Xí nghiệp:

-Xí nghiệp áp dụng hình thức kế toán máy, phần mềm kế toán Mis để hạch toán sổ sách của phần mềm theo hình thức Nhật Ký-chứng từ, trình tự kế toán máy được thực hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính tại Xí nghiệp Xếp dỡ
Chùa Vẽ**



Ghi chú:

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- <— : Đối chiếu, kiểm tra.

Hình ảnh 2.1: Giao diện phần mềm kế toán MIS-G2:



Phần mềm kế toán MIS được Cảng Hải Phòng đưa và sử dụng từ năm 2002, được áp dụng trong tất cả các đơn vị thành viên của Cảng Hải Phòng. Phần mềm kế toán này gồm 3 phần:

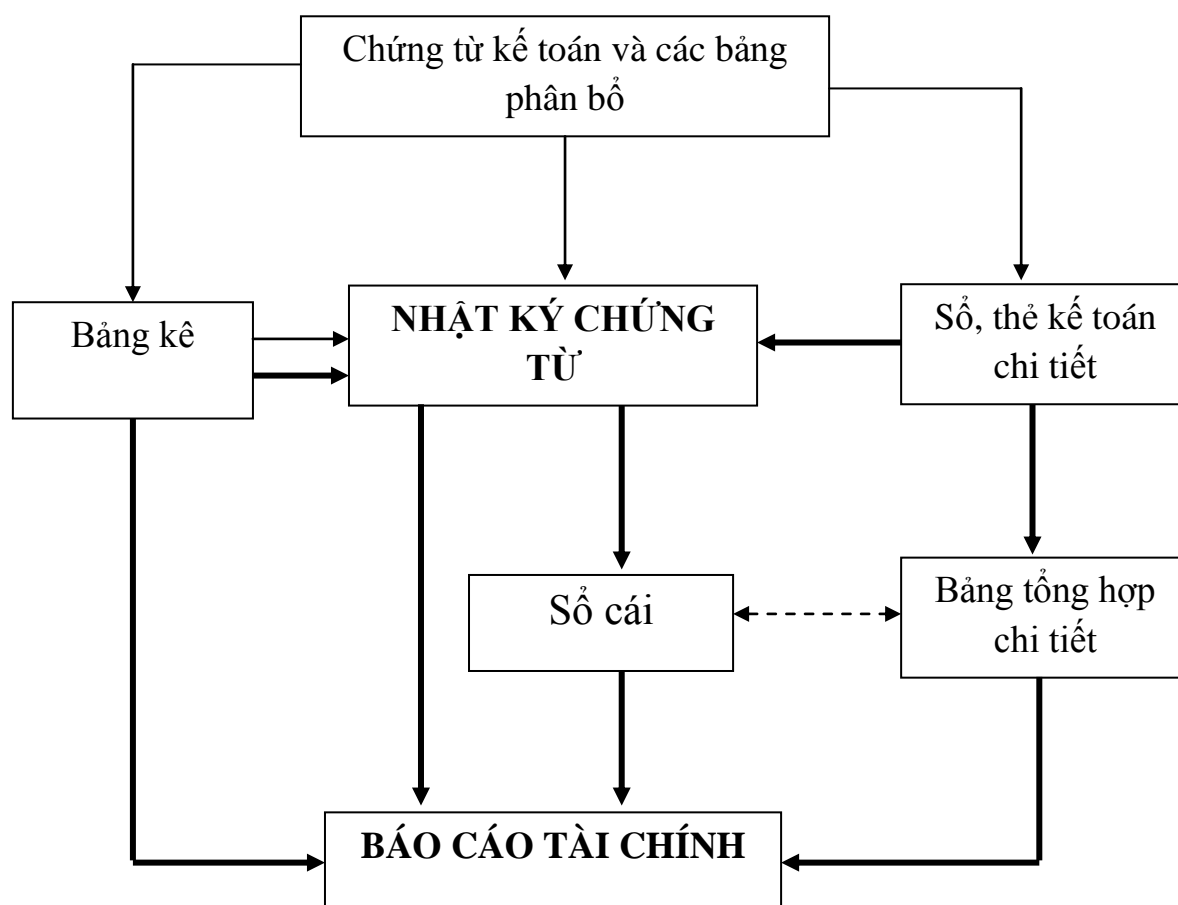
MIS 1: Dùng để thu cước, khai thác (Áp dụng năm 2002)

MIS 2: Dùng để hạch toán hàng tồn kho (Áp dụng năm 2009)

MIS 3: Dùng để hạch toán tiền lương (Áp dụng năm 2002)

Tuy nhiên phần mềm kế toán trên có nhiều khuyết điểm, chạy không ổn định, Không đáp ứng yêu cầu quản lý của Xí nghiệp khi có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp nên hiện nay xí nghiệp chỉ áp dụng phần mềm kế toán Mis 2 để hạch toán phần hành hàng tồn kho. Phần mềm MIS1, MIS 3 không còn được sử dụng. Các phần hành kế toán còn lại Xí nghiệp sử dụng Excel để hạch toán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.

**Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chứng từ tại Xí nghiệp Xếp dỡ
Chùa Vẽ**



Ghi chú:

- > : Ghi số liệu hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng, cuối năm.
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

2.1.2.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp:

- Xí nghiệp đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 Bộ tài chính.
- Xí nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Nhập trước-Xuất trước.
- Kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Xí nghiệp tính khấu hao cho tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao được xác định căn cứ theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính.

- Đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

Vốn bằng tiền của Xí nghiệp bao gồm tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng. Xí nghiệp sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.

2.2.1 Thực tế công tác kế toán tiền mặt tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

-Tiền mặt là số Vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của Xí nghiệp.Xí nghiệp không phát sinh về ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

-Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại xí nghiệp được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

-Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày hoặc định kỳ phải kiểm kê tiền mặt thực tế đối chiếu với số dư trên sổ quỹ để đảm bảo sự phù hợp giữa số dư trên sổ quỹ với tiền mặt thực tế.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu 02-TT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT/3LL)
- Giấy đề nghị thanh toán.

Các phiếu thu, phiếu chi.... Sau khi được ghi đầy đủ các nội dung sẽ được đính kèm các chứng từ liên quan để chuyển cho giám đốc, kế toán trưởng ký duyệt, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập, xuất quỹ. Các phiếu thu, phiếu chi.... Phải được đánh số thứ tự liên tục tránh các trường hợp biến thủ công quỹ hay gian lận.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

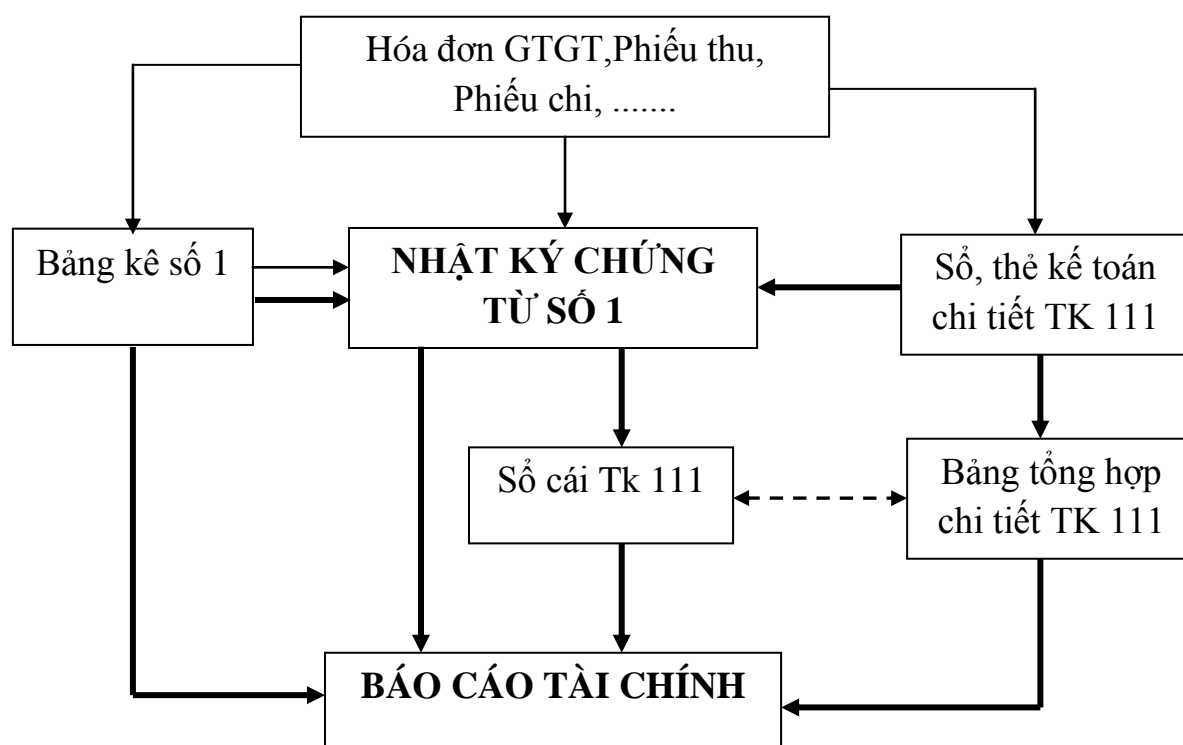
Tài khoản 111- Tiền mặt. Tài khoản tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2 nhưng Xí nghiệp chỉ sử dụng một tài khoản cấp 2: TK 1111- Tiền Việt Nam tại quỹ.

2.2.1.3 Sổ sách sử dụng

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ chi tiết quỹ tiền mặt
- Nhật ký chứng từ số 1
- Bảng kê số 1
- Sổ cái tài khoản 111

2.2.1.4 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt theo hình thức Nhật ký Chứng từ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày.
- : Ghi cuối tháng, cuối năm.
- ← - - - - - : Đối chiếu, kiểm tra.

2.2.1.5 Kế toán chi tiết tiền mặt:

a. Kế toán nghiệp vụ thu tiền mặt Việt Nam Đồng:

Các nguồn thu chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm:

- ✓ Thu từ việc kinh doanh dịch vụ, cho thuê kho bãi.
- ✓ Thu tạm ứng.
- ✓ Các khoản thu khác....

VD 1: Ngày 05/10/2010, Thu cước bốc xếp của công ty TNHH Thịnh Đạt bằng tiền mặt với số tiền là: 1,381,600 VNĐ,

Hóa đơn do trên Cảng Hải Phòng tự in và phát cho các Xí nghiệp, HĐ gồm 3 liên:

- ✓ Liên 1(Màu trắng): Lưu gốc
 - ✓ Liên 2(Màu đỏ): Giao cho khách hàng
 - ✓ Liên 3(Màu xanh): Tài chính
- Khi có khách hàng đến bãi thuê bốc xếp, nhân viên thống kê tại bãi có nhiệm vụ lập HĐ dịch vụ GTGT số 0004851 (Mẫu biểu 2.1)
- Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ GTGT (Mẫu biểu 2.1) nhân viên thống kê tại bãi vào Bảng kê tiền ngay (Mẫu biểu 2.2).
- Cách lập phiếu thu: Hết một ngày nhân viên thống kê tại bãi gửi Bảng kê tiền ngay cùng HĐ dịch vụ GTGT liên quan lên ban tài chính kế toán. Kế toán căn cứ vào Bảng kê tiền ngay lập phiếu thu(Mẫu biểu 2.3). Phiếu thu được lập 2 liên: một liên giữ tại công, một liên giao cho người nộp tiền. Phiếu thu lập xong được gửi cho kế toán trưởng ký duyệt, sau khi kế toán trưởng ký xong thì gửi cho Giám đốc ký duyệt, khi Giám đốc ký xong thì gửi cho Thủ quỹ. Thủ quỹ làm căn cứ nhận tiền và nhận đủ tiền thì người nộp ký.
- Từ phiếu thu, kế toán vào Sổ quỹ (Mẫu biểu 2.4),
- Từ các phiếu thu vào Bảng kê số 1 (Mẫu biểu 2.5)

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu Biểu 2.1:

C.TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 8A Trần Phú- Hải Phòng
Mã số thuế:0200236845

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Tài chính

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
N^o:**0004851**

Số TK: VNĐ 020.01.01.0006187-NH TMCP HÀNG HẢI VN TẠI HP

Tên khách hàng:CTY TNHH THỊNH ĐẠT Mã số thuế KH:0200781664

Địa chỉ: 17/270 Đà Nẵng Ngô Quyền Hải Phòng

Tên tàu: BAREAST CHEER Ngày cập bến:04/10/2010 Số vận đơn:10213

Số lệnh GH:..... Loại hàng: CONT..... Số tấn:..... Điều kiện xếp dỡ:.....

Tên dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiền dịch vụ chưa có thuế	Thuế(GTGT)		Cộng
					%	Tiền thuế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3x4)	(6)	(7)	(8=5+7)
Nâng bãi Ô tô	40H	4	314.000	1.256.000	10%	125.600	1.381.600
Tổng cộng				1.256.000		125.600	1.381.600

Tổng số tiền(Bằng chữ): MỘT TRIỆU BA TRĂM TÁM MƯƠI MỘT NGÀN SÁU TRĂM ĐỒNG CHẴN.....

Ngày 04 tháng 10 năm 2010

Người mua hàng
(Ký tên)

Người viết hóa đơn
(Ký tên)

Tổng Giám Đốc
(Ký tên)

Mẫu Biểu 2.2:

TÔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẢNG HẢI PHÒNG
XN XẾP DỠ CHÙA VẼ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG KÊ TIỀN NGAY

Từ ngày: 04/10/2010 Đến hết ngày: 04/10/2010

Số HĐ	Tên khách hàng	HTTT	Vốn	Thuế			Tổng thu
				5%	10%	20%	
4561	CTY CP TM VÀ DICH VỤ CUOC SONG VIET	TNTM	4,380,000		438,000		4,818,000
4562	CTY CP TM VÀ DICH VỤ CUOC SONG VIET	TNTM	3,186,684		318,668		3,505,352
4563	CTY CP CONTAINER NGHE AN	TNTM	2,509,200		250,920		2,760,120
.....							
.....							
.....							
4851	CTY TNHH THỊNH ĐẠT	TNTM	1,256,000		125,600		1,381,600
.....							
.....							
5288	CTY THNN SON KOVA	TNTM	1,448,000		144,800		1,592,800
5289	CTY TNHH SON KOVA	TNTM	362,000		36,200		398,200
.....							
...							
5360	CTY TNHH VIET TIN	TNTM	2,256,000		225,600		2,481,600
.....							
.....							
Tổng cộng			344,500,391		34,450,039		378,950,430

Mẫu biểu 2.3:

Đơn vị: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Mẫu số 01-TT

Theo QĐ số 1141-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 01/11/1995 của Bộ Trưởng Bộ tài chính
AB/06

PHIẾU THU

Số:0038022/001A

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Nợ 111

Có 511,3331

Người nộp tiền: Nguyễn Thu Thảo.

Địa chỉ: Công ty TNHH Thịnh Đạt

Lý do nộp: Cước bốc xếp.

Số tiền: 378,950,430 (*Viết bằng chữ*): Ba trăm bảy mươi tám triệu chín
trăm năm mươi ngàn bốn trăm ba mươi đồng.

Kèm theo.....Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền(Viết bằng chữ):

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người lập phiếu

Người nộp

Thủ quỹ

Mẫu biểu 2.4:

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản 111: Tiền mặt

Ngày	Số Ctừ		Diễn giải	Số tiền		
	PT	PC		Thu	Chi	Tồn Quỹ
			<u>Dư đầu</u>			<u>68.654.134</u>
.....			...			
2/10		018	Trả tiền mua giấy in		12.445.230	246.006.263
.....						
5/10	0038022 /001A		Thu tiền cước	344.500.391 34.450.039		691.728.050
....						
10/10		040	Mua TSCĐ		200.000.000	532.079.466
					20.000.000	512.079.466
...						
15/10	0038045 /001A		Thu nợ tiền cước	150.000.000		787.352.171
16/10		066	Tạm ứng		10.225.000	294.996.216
.....						
20/10		123	TT mua mực in		3.040.000 152.000	113.368.995
24/10		130	Tạm ứng		10.255.000	98.652.995
.....						
31/10	0038065 /001A		Thu nợ tiền thuê kho	45.000.000		28.438.015
			<u>Dư cuối</u>			<u>28.438.015</u>

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu biểu 2.5:

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

BẢNG KÊ SỐ 1

Ghi Nợ TK: 111- Tiền mặt ; Ghi có các TK

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010

Số dư đầu tháng: 68,654,134

Ngày	112	131	136	141	333	511		Cộng phát sinh nợ TK 111	Dư cuối ngày
01/10/2010		123.456.891					123.456.891	167.767.877
02/10/2010		57.310.0000		30.000.000			91.425.590	246.006.263
....		
05/10/2010					34.450.039	344.500.391	378.950.430	691.728.050
.....		
11/10/2010	8.200.000.000	20.860.000		3.000.000			8.223.860.000	785.672.686
....		
20/10/2010		2.640.000	1.560.387.421	500.000			1.563.527.421	113.368.995
....		
31/10/2010		45.000.000	1.652.584.213		1.850.000		1.654.500.927	28,438,015
Cộng	13.600.000.000	367.332.597	15.928.013.310	106.600.000	5.336.400	30.755.627	17.575.896.479	

b. Kế toán nghiệp vụ chi tiền mặt Việt Nam Đồng:

Các nguồn chi chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm:

- ✓ Chi tạm ứng
- ✓ Chi mua vật tư, tài sản, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- ✓ Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- ✓ Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng.
- ✓ Chi các khoản nộp ngân sách Nhà Nước
- ✓ Các khoản chi khác

VD 2: Ngày 20/10/2010 Phạm Văn Bình – Phòng Hành Chính Quản trị đề nghị thanh toán tiền mua mực theo hóa đơn GTGT số 0005501. Tổng số tiền thanh toán là 3,192,000 thuế suất 5%

- Căn cứ vào HĐGTGT số 0005501 (Mẫu biểu 2.6) và giấy đề nghị thanh toán đã được phê duyệt (Mẫu biểu 2.7), kế toán lập phiếu chi số 123 (Mẫu biểu 2.8)
- Từ phiếu chi, kế toán vào Sổ quỹ (Mẫu biểu 2.9)
- Từ các phiếu chi, kế toán vào NKCT số 1 (Mẫu biểu 2.10)
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 1, ghi sổ cái TK 111 (Mẫu biểu 2.11)

Mẫu Biểu 2.6:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 20 tháng 10 năm 2010</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT-3LL MB/2010 B 0005501</p>																																																										
<p>Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Tân Đức Địa chỉ: Lê Chân - Hải Phòng. Số tài khoản: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td></tr></table> Điện thoại: MS: </p>		0	2	0	0	1	5	6	5	6	8																																																
0	2																																																										
0	0	1	5	6	5	6																																																					
8																																																											
<p>Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Bình Tên đơn vị: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ Địa chỉ: Số tài khoản: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td></tr></table> Hình thức thanh toán: MS: </p>		0	2	0	0	2	3	6	8	4	5																																																
0	2																																																										
0	0	2	3	6	8	4																																																					
5																																																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị Tính</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 20%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3=1*2</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Mực in</td> <td>Lọ</td> <td>4</td> <td>760.000</td> <td>3.040.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"> </td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"> </td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng:</td> <td>3.040.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Thuế suất GTGT:5%</td> <td colspan="2">Tiền thuế GTGT:</td> <td>152.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán :</td> <td>3.192.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng.</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3=1*2	1	Mực in	Lọ	4	760.000	3.040.000													Cộng tiền hàng:					3.040.000	Thuế suất GTGT:5%			Tiền thuế GTGT:		152.000	Tổng cộng tiền thanh toán :					3.192.000	Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																						
A	B	C	1	2	3=1*2																																																						
1	Mực in	Lọ	4	760.000	3.040.000																																																						
Cộng tiền hàng:					3.040.000																																																						
Thuế suất GTGT:5%			Tiền thuế GTGT:		152.000																																																						
Tổng cộng tiền thanh toán :					3.192.000																																																						
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng.																																																											
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng các đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>																																																									

Mẫu biểu 2.7

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Mẫu số 03-TT

Theo QĐ số 1141-TC/QĐ/CĐKT
Ngày 01/11/1995 của Bộ Trưởng Bộ tài chính
AB/06

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Giám đốc Xí nghiệp

Tên tôi là: Phạm Văn Bình

Địa chỉ: Phòng hành chính quản trị

Lý do thanh toán: Thanh toán tiền mua mực in

Số tiền : 3.192.000

(Viết bằng chữ): Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng .

Các chứng từ kèm theo:

1: Hóa đơn GTGT số 0005501.

2:.....

3:.....

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người phụ trách đơn vị
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.8:

Đơn vị: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Mẫu số 02-TT

Theo QĐ số 1141-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 01/11/1995 của Bộ Trưởng Bộ tài chính

AB/06

PHIẾU CHI Số:123

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Nợ: 642,1331

Có :111

Họ tên người nhận tiền: **Đông thị Tín**

Địa chỉ: **Phòng tài chính kế toán**

Lý do chi: **Chi tiền mua mực in**

Số tiền: **3.192.000 đ** (Viết bằng chữ): **Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng.**

Kèm theo...01 khoản chi có.....Chứng từ gốc.....

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Mẫu biểu 2.9:

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 10 năm 2010

Tài khoản 111: Tiền mặt

Ngày	Số Cờ		Diễn giải	Số tiền		
	PT	PC		Thu	Chi	Tồn Quỹ
			<u>Dư đầu</u>			<u>68.654.134</u>
.....			...			
2/10		018	Trả tiền mua giấy in		12.445.230	246.006.263
.....						
5/10	0038022 /001A		Thu tiền cước	344.500.391 34.450.039		691.728.050
....						
10/10		040	Mua TSCĐ		200.000.000	532.079.466
					20.000.000	512.079.466
...						
15/10	0038045 /001A		Thu nợ tiền cước	150.000.000		787.352.171
16/10		066	Tạm ứng		10.225.000	294.996.216
.....						
20/10		123	TT mua mực in		3.040.000	113.368.995
					152.000	
24/10		130	Tạm ứng		10.255.000	98.652.995
.....						
31/10	0038065 /001A		Thu nợ tiền thuê kho	45.000.000		28.438.015
			<u>Dư cuối</u>			<u>28.438.015</u>

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu biểu 2.10:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có TK: 111- Tiền mặt; Ghi nợ các TK

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010

Ngày	112	131	133	136	141	338	642	Cộng phát sinh có TK 111
01/10/2010	1.828.200		90.000.000				26.133.000	30.161.200
02/10/1/2010	565.700						6.457.000	13.187.204
05/10/2010			734.000	378.950.430	14.000.000		7.340.000		401.024.430
.....								
20/10/2010			152.000		90.000.000	7.800.000	3.040.000	200.215.060
....								
31/10/2010	2.621.000.000	476.310	50.000	67.790.200			34.478.386	2.739.294.896
Cộng	8.726.000.000	944.890	12.758.868	17.732.221.877	322.399.000	120.944.200	370.581.972	17.616.112.598

Mẫu biểu 2.11:

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ) Tài khoản: 111

Số dư đầu năm								
Nợ	Có							
34.249.900								
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 141	106.600.000			
TK 131	367.332.597			
.....			
Cộng số phát sinh Nợ	17.575.896.479			
Cộng số phát sinh Có	17.616.112.598			
Số dư cuối tháng Nợ	68.654.134	28.438.015			
Số dư cuối tháng Có								

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Xí nghiệp, thể hiện tính đa dạng hóa về hình thức thanh toán, thuận lợi trong công việc luân chuyển tiền tệ.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Xí nghiệp là các Lệnh chuyển Có, các giấy báo Nợ hoặc các bảng sao kê của ngân hàng. Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ đối với hoạt động tiền mặt.

- Giấy nộp tiền
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Lệnh chuyển tiền

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

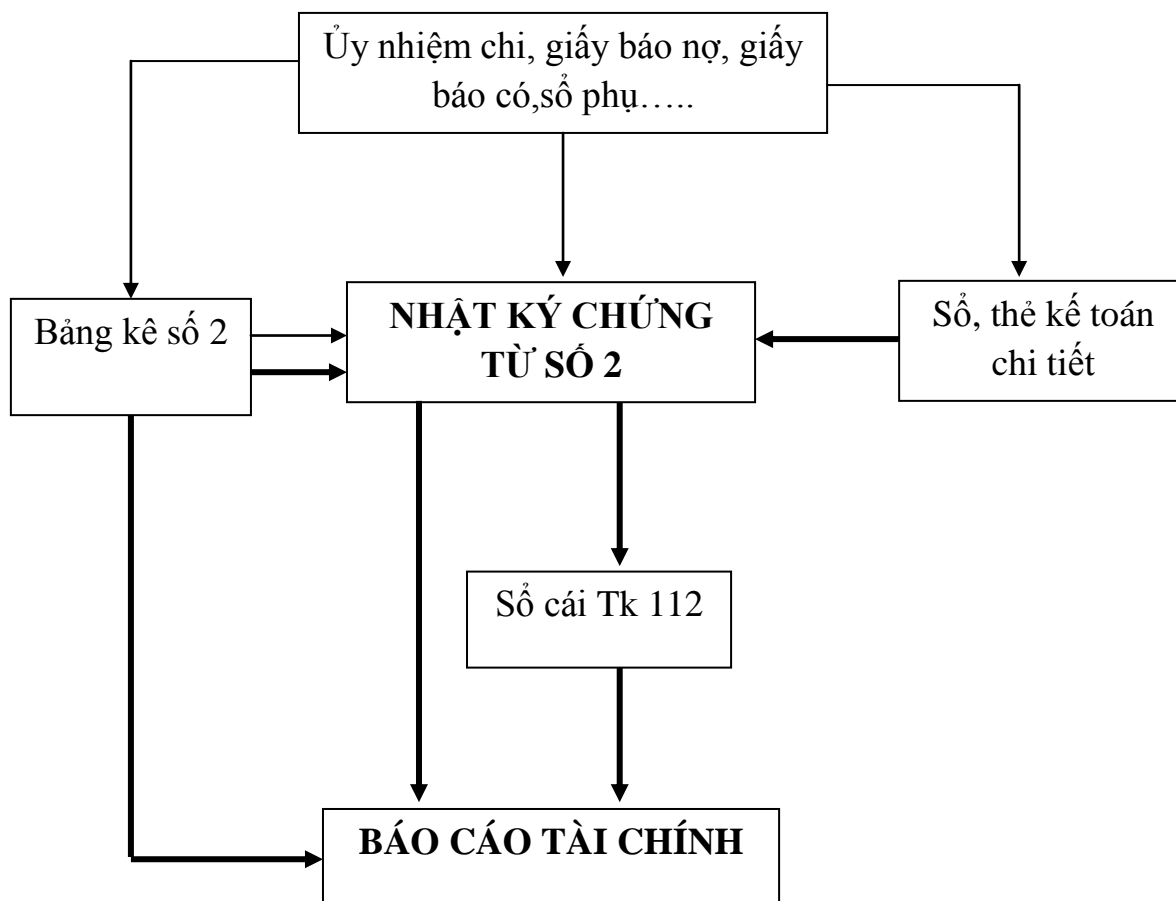
Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121- Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

2.2.2.3 Sổ sách sử dụng.

- Bảng kê số 2
- Nhật ký chứng từ số 2
- Các sổ kế toán chi tiết liên quan.

➤ Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Xí nghiệp :

Sơ đồ luân chuyển chứng từ kế toán TGNH



Ghi chú:

- :Ghi hàng ngày.
- :Ghi cuối tháng, cuối năm.
- : Đôi chiếu, kiểm tra.

- Căn cứ vào các chứng từ thu, chi tiền gửi ngân hàng, hàng ngày kế toán vào sổ tiền gửi ngân hàng đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi ngân hàng. Đến cuối tháng kế toán cộng phát sinh và đối chiếu với sổ phụ ngân hàng.

- Sau khi lên sổ chi tiết kế toán cộng phát sinh hàng ngày và cuối tháng vào Bảng kê số 2 từng ngày theo hàng ngang và tài khoản theo hàng dọc tương ứng. Tương tự như vậy cho Nhật ký chứng từ số 2.

- Sau khi xong Bảng kê và Nhật ký chứng từ số 2, kế toán tổng hợp đối chiếu tài khoản nợ, có sau đó lấy dòng cộng phát sinh nợ và phát sinh có vào Sổ cái TK 112.

- Cuối quý kế toán tổng hợp từ số liệu Sổ cái vào Bảng cân đối số phát sinh rồi vào Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Quy trình ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng

a, Các nghiệp vụ thu TGNH

Các nghiệp vụ thu TGNH chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm:

- Thu từ việc kinh doanh dịch vụ, thuê kho bãi, bốc xếp.
- Thu tạm ứng, đặt cọc.

Trong tháng 10 năm 2010 Xí nghiệp có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng. Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng.

Ví dụ 3:

Ngày 04/10/2010, Công ty CP Thương mại Đức Hạnh thanh toán tiền cước bốc xếp cho Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ theo mẫu hóa đơn dịch vụ GTGT 00006846 bằng chuyển khoản với số tiền là 6.908.000.

+ Căn cứ vào HĐ dịch vụ GTGT 00008646 (Mẫu biểu 12), Lệnh chuyển có (Mẫu biểu 13) và Sao kê tài khoản (Mẫu biểu 14), kế toán vào Sổ tiền gửi Ngân hàng TK 112 (Mẫu biểu 16)

+ Căn cứ Lệnh chuyển có vào Bảng kê số 2 (Mẫu biểu 15)

+ Cuối tháng từ số liệu Bảng kê số 2, kế toán vào Sổ cái TK 112

+ Cuối quý tổng hợp số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu Biểu 2.12:

C.TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ: 8A Trần Phú- Hải Phòng
Mã số thuế:0200236845

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Tài chính

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
N⁰:**0006846**

Số TK: VNĐ 020.01.01.0006187-NH TMCP HÀNG HẢI VN TẠI HP

Tên khách hàng: **CTY CP Thương mại Đức Hạnh**

Mã số thuế KH: **0200781664**

Địa chỉ: **17/270 Đà Nẵng Ngô Quyền Hải Phòng**

Tên tàu: **BAREAST CHEER** Ngày cập bến: 04/10/2010 Số vận đơn: 10213

Số lệnh GH:..... Loại hàng: **CONT**..... Số tấn:..... Điều kiện xếp dỡ:.....

Tên dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tiền dịch vụ chưa có thuế	Thuế(GTGT)		Cộng
					%	Tiền thuế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3x4)	(6)	(7)	(8=5+7)
Nâng bãi Ô tô	40H	20	314.000	6.280.000	10%	628.000	6.908.000
Tổng cộng				6.280.000		628.000	6.908.000

Tổng số tiền(Bằng chữ): SÁU TRIỆU CHÍN TRĂM LINH TÁM NGÀN ĐỒNG CHẴN.

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Người mua hàng
(Ký tên)

Người viết hóa đơn
(Ký tên)

Tổng Giám Đốc
(Ký tên)

Mẫu biểu 2.13:

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã:	Số bút toán:
Loại giao dịch: Lệnh chuyển có giá trị cao	Thời điểm TTKL:
Số hiệu giao dịch: 10000084	Ngày , giờ nhận: 04/10/2010
Ngân hàng gửi: NHTMCP Sài Gòn Hà Nội	Mã NH:01348002 TK Nợ:
Ngân hàng nhận: NHTMCP Hàng Hải	Mã NH: 31201002 TK Có:

Người phát lệnh: CTY CP Thương mại Đức Hạnh

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản: 000519200050 Tại NH:01348002- NHTMCP Sài Gòn Hà Nội

Người nhận lệnh: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản:1020100000213174 Tại NH: TMCP Hàng Hải

Nội dung:

Số tiền bằng số: 6.908.000

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu chín trăm linh tám nghìn đồng.

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Mẫu biểu 2.14:

NHTMCP Hàng Hải

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT

Từ ngày/from date: 04/10/2010 đến ngày /to date: 04/10/2010

Số tài khoản Account no: 10201000021374

Tiền tệ : VNĐ

Tên tài khoản Account name: NHCP

Ngày phát sinh cước:

Dư đầu kì Beginning Balance: 841,497,174

Số dư cuối kỳ: 563,708,856

Ngày phát sinh	Số chứng từ	Nội dung giao dịch	Doanh số phát sinh	
			Nợ :	Có:
04/10/2010	7	Khách hàng trả nợ		6.908.000

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

biểu 2.15:

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ tài khoản 112 - Ghi Có các tài khoản

Tháng 10 năm 2010

Số dư đầu tháng: 841,497,174

Ngày	131.1	136	338	331	141	334	...	Cộng phát sinh Nợ Tk 112	Dư cuối ngày
01/10/2010	325,846,749	54,000,000		38,244,218			418,090,967	911,911,117
04/10/1/2010	533,032,931	56,980,000	9,087,240	6,818,210			2,643,541,786	1,204,923,383
05/10/2010	689,905,707	85,117,765	10,500,000	24,108,578			...	2,809,632,050	1,978,985,790
.....
14/10/2010	626,686,015	76,000,000		21,309,343			799,995,358	470,891,636
....
31/10/2010	132,547,779			1,404,221			563,708,854	563,708,856
Cộng	4,227,713,187	205,003,688	22,839,440	16,621,625,947	34,508,863	42.000.000	20,604,808,015	

b, Các nghiệp vụ chi TGNH Việt Nam Đông

Các nguồn chi TGNH chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm:

- Chi mua vật tư, tài sản, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng

Ví dụ 2: Ngày 25/10/2010 căn cứ vào hóa đơn mua hàng số 0030281, ông Phạm Văn Bình- Phòng hành chính quản trị đề nghị thanh toán tiền mua máy tính. Tổng số tiền thanh toán là 45.600.000. Sau khi giấy đề nghị thanh toán được kế toán trưởng và Giám đốc xem xét ký duyệt thì chuyển cho kế toán tiền gửi ngân hàng lập ủy nhiệm chi gửi cho Ngân hàng CPTM Hàng Hải. Đồng thời Ngân hàng gửi giấy báo Nợ về cho Xí nghiệp.

Mẫu Biểu 2.16:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 25 tháng 10 năm 2010</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT-3LL MB/2010 B 0030281</p>																																																										
<p>Đơn vị bán hàng: CTY TNHH MÁY TÍNH HOÀNG CƯỜNG Địa chỉ: số 75- LƯƠNG KHÁNH THIÊN- HẢI PHÒNG Số tài khoản: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td></tr></table> Điện thoại: MS:</p>		0	2	0	0	4	0	3	1	2	6																																																
0	2																																																										
0	0	4	0	3	1	2																																																					
6																																																											
<p>Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Bình Tên đơn vị: Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ Địa chỉ: Số tài khoản: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td></tr></table> Hình thức thanh toán: MS:</p>		0	2	0	0	2	3	6	8	4	5																																																
0	2																																																										
0	0	2	3	6	8	4																																																					
5																																																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị Tính</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 20%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3=1*2</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Mua máy tính xách tay</td> <td>Cái</td> <td>02</td> <td>20,727,272</td> <td>41.454.545</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"> </td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"> </td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng:</td> <td>41.454.545</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Thuế suất GTGT:10%</td> <td colspan="2">Tiền thuế GTGT:</td> <td>4.145.455</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán :</td> <td>45.600.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3=1*2	1	Mua máy tính xách tay	Cái	02	20,727,272	41.454.545													Cộng tiền hàng:					41.454.545	Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:		4.145.455	Tổng cộng tiền thanh toán :					45.600.000	Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																						
A	B	C	1	2	3=1*2																																																						
1	Mua máy tính xách tay	Cái	02	20,727,272	41.454.545																																																						
Cộng tiền hàng:					41.454.545																																																						
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:		4.145.455																																																						
Tổng cộng tiền thanh toán :					45.600.000																																																						
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.																																																											
<p>Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Thủ trưởng các đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>																																																							

Mẫu Biểu 2.17:

Mẫu số 03-TT

Theo QĐ số 1141-TC/QĐ/CĐKT
Ngày 01/11/1995 của Bộ Trưởng Bộ tài chính
AB/06

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Giám đốc Xí nghiệp

Tên tôi là: Phạm Văn Bình

Địa chỉ: Phòng hành chính quản trị

Lý do thanh toán: Thanh toán tiền mua máy tính

Số tiền : 45.600.000 (Viết bằng chữ): Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng.

Các chứng từ kèm theo:

1: Hóa đơn GTGT số 0030281.

2:.....

3:.....

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người phụ trách
đơn vị
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

Mẫu biểu 2.18:

ỦY NHIỆM CHI

Số: 180 Lập ngày 25/10/2010

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN.

Tên đơn vị trả tiền: Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.....

Số tài khoản: 02001010006187.....

Tại ngân hàng: CPTM Hàng Hải Hải Phòng.....

PHẦN DO NH GHI

TÀI KHOẢN CÓ

Tên đơn vị nhận tiền: CTY TNHH máy tính Hoàng Cường

Số TK: 91801900103.....

Tại ngân hàng: VP Bank chi nhánh Hải Phòng.....

SỐ TIỀN BẰNG SỐ:

45.600.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.....

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua máy tính

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân hàng B

Kế toán

Ghi sổ ngày: 25/10/2010

Ghi sổ ngày 25/10/2010

Kế toán: TP Kế toán

Kế toán: TP Kế toán

Mẫu biểu 2.19:

NHTMCP HÀNG HẢI HẢI PHÒNG

Mã GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 02001010006187

Số tiền bằng số: 45.600.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.

Nội dung: Thanh toán tiền mua hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Căn cứ vào giấy báo Nợ và lệnh chuyển Có của Ngân hàng, kế toán vào Sổ tiền gửi ngân hàng (Mẫu biểu 2.20). Tiếp sau đó kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ và Nhật ký chứng từ số 2 (Mẫu biểu 2.21)

Cuối tháng căn cứ vào Nhật ký chứng từ 2 và Bảng kê 2 ghi sổ cái TK 112 (Mẫu biểu 2.22)

Mẫu biểu 2.20:

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày 31/10/2010.

Tài khoản 112: Tiền gửi VNĐ NHTM CP Hàng Hải Hải Phòng

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Số dư tiền gửi
Ngày	Báo có	Báo nợ			Gửi	Rút	
1/10		01/GBN 1	Trả nợ tiền mua mực in	331		3.500.000	911.911.117
....							
5/10	05/LC 5		CTY CPTM Đức Hạnh trả nợ	131	6.908.000		905.982.423
....							
8/10		08/GBN 10	Mua bảo hộ lao động	153 133		35.000.000 3.500.000	879.215.686
...							
12/10	12/LC14		Thu tiền cước	131	150.000.000		1.465.879.639
16/10		16/GBN 18	Trả tiền mua nhiên liệu	141		10.225.000	965.758.445
....						
25/10		25/GBN 20	Trả tiền mua máy tính	331		45.600.000	768.954.225
....							
31/10	31/LC 24		Tiền thuê kho	131	28.000.000		563.708.856

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu biểu 2.21:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi có tài khoản 112.1- Ghi Nợ các tài khoản khác

Tháng 10 năm 2010

Ngày	111	133	136	141	211	338	642	...	331	Cộng Phát sinh
01/10/2010		864,337					8,643,363	...	138,169,324	347,677,024
04/10/1/2010		8,143,983	4,011,430		36,700,000		62,845,727	...		2,350,529,520
05/10/2010	1,300,000,000	11,253,911	270,736,100	362,096,768			91,482,864	...		2,035,569,643
.....
25/10/2010	500,000,000	4,145,455	217,156,023		41,454,545	100,000,000	309,205,941	...		1,994,345,483
....
31/10/2010					31,032,300			...		506,032,300
Cộng	3,500,000,000	94,369,775	529,392,435	555,376,180	557,368,080	609,552,200	234,629,545	...	14,600,958,490	20,882,596,333

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH
một thành viên Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

Mẫu biểu 2.22:

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 112

Năm 2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
753,410,939	

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 131	4,227,713,187			
TK 136	205,003,688			
TK 338					22,839,440			
.....
Cộng số phát sinh Nợ	20,604,808,015			
Cộng số phát sinh Có	20,882,596,333			
Số dư cuối tháng Nợ	841,497,174	563,708,854			
Số dư cuối tháng Có				

PHẦN III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

3.1 Nhận xét đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ được thành lập từ lâu, Xí nghiệp đã trải qua không ít khó khăn và thử thách. Để khẳng định chỗ đứng của mình trên thương trường ban lãnh đạo Xí nghiệp cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã phải phấn đấu, nỗ lực rất lớn. Xí nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Xí nghiệp thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh, các nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Chính sự nỗ lực liên tục không ngừng đó mà uy tín của Xí nghiệp ngày càng mở rộng, doanh thu tăng dẫn tới lợi nhuận tăng nhờ đó mà đời sống của cán bộ công nhân viên cũng được nâng cao.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động có tính linh hoạt cao nhất trên bảng Báo cáo tài chính. Nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của Xí nghiệp tài thời điểm. Ý thức được tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và để đáp ứng nhu cầu thanh toán Xí nghiệp, thực hiện việc mua sắm, chi phí..... nhằm đảm bảo công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cao, Xí nghiệp đã tổ chức quản lý một cách tối đa vốn bằng tiền.

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Độ ngũ cán bộ trẻ nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo, khoa học, có tính tương trợ nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao.

Tuy Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ không phải là một Xí nghiệp sản xuất nhưng công tác kế toán vốn bằng tiền cũng giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với xí nghiệp. Nắm bắt được điều này nên trong quá trình thực tập tại Xí nghiệp em đã đi

sâu nghiên cứu và tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp. Qua thời gian thực tập, được sự giúp đỡ của các cô chú tong xí nghiệp em có một vài ý kiến nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp như sau:

3.1.1 Ưu điểm.

Xí nghiệp đã tạo được một mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động một cách khá nhịp nhàng, giúp cho Giám đốc Xí nghiệp điều hành một cách có hiệu quả. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, ban kinh tế thường xuyên chú trọng đến nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với bộ máy gọn nhẹ, sự phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phân hành kế toán đã cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác và tổng hợp cho nhau một cách đầy đủ kịp thời nhằm thực hiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền.

Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Xí nghiệp đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, bên cạnh việc chấp hành các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành như:

- Mọi vấn đề biến động của vốn bằng tiền đều có đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

Để hạch toán vốn bằng tiền, Xí nghiệp đã phân chia công việc rõ ràng :

+ Một kế toán chịu trách nhiệm kế toán tiền mặt.

+ Một kế toán chịu trách nhiệm kế toán tiền gửi ngân hàng.

+ Một người là thủ quỹ

Việc thực hiện phân tách công việc kế toán của những người liên quan đến vốn bằng tiền giảm thiểu được thất thoát vốn bằng tiền. Hay nói cách khác là một

khâu kiểm soát chặt chẽ vốn bằng tiền. Đặc biệt là giữa thủ quỹ với kế toán tiền mặt. Nếu không tách biệt hai người này thì khả năng biến thủ công quỹ là rất lớn.

Việc nhập xuất tiền mặt đều được dựa trên chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét, và Giám đốc Xí nghiệp phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền, thủ quỹ... Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi đều hợp lệ, và có mục đích rõ ràng.

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho công việc kiểm tra, thanh tra, tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính và thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

3.1.2 Những hạn chế

Có thể nói công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ đã tiến hành có kế hoạch đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Xí nghiệp. Với những ưu điểm trên công tác quản lý vốn bằng tiền ngày càng được phát huy nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Xí nghiệp. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào nghiên cứu cụ thể về công tác tài chính kế toán vốn bằng tiền thì công tác kế toán ở Xí nghiệp vẫn còn những hạn chế cần nghiên cứu và cần được tiếp tục bổ sung và hoàn thiện:

-Về chứng từ sổ sách kế toán:

Hiện nay, mặc dù Xí nghiệp sử dụng khá đầy đủ các chứng từ, sổ sách có liên quan đến kế toán vốn bằng tiền như phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán... nhưng mẫu phiếu thu, phiếu chi và sổ sách kế toán vẫn sử dụng theo QĐ 1141-TC/QĐ/CDKT ngày 1 tháng 11 năm 1995.

-Về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán:

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội nền sản xuất cũng không ngừng phát triển đáp ứng các yêu cầu công tác quản lý đòi hỏi phải đảm bảo chất lượng cũng như khối lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Đặc biệt là công tác quản trị Doanh nghiệp trong cơ chế thị trường cạnh tranh như hiện nay đòi hỏi khối lượng thông tin phải chính xác, kịp thời để đưa ra những quyết định đúng đắn. Tất cả điều này thể hiện sự cần thiết phải sử dụng máy tính trong quản trị Doanh nghiệp, nhất là phần mềm kế toán đối với công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

-Về việc quản lý quỹ tiền mặt

Hàng tháng Xí nghiệp chưa tiến hành lập Bản kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa, thiếu so với sổ quỹ, trên cơ sở đó có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch đó, tránh được thất thoát về tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt và đạt hiệu quả cao hơn.

-Về hệ thống tài khoản

Hiện nay Xí nghiệp không sử dụng tài khoản 113- Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện(trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Thường thì Xí nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển(nhưng chưa tới sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng tài khoản 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.

Như chúng ta đã biết đối với bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả của đồng vốn mà mình bỏ ra ban đầu và trong đó việc nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền doanh nghiệp cần phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện.

Đối với Doanh nghiệp, yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

+ Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành.

Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành. Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành và kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật và các biện pháp hành chính, các công cụ quản lý kinh tế. Chính vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành, có như vậy kế toán mới thực sự là công cụ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh nghiệp mà của cả Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế

độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán, lập báo cáo.

+Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Xí nghiệp.

Nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý riêng. Nhà nước ban hành các chính sách, các quy định chung cho tất cả các doanh nghiệp chỉ mang tính chất định hướng, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp cũng cần đảm bảo sự thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản cũng như hệ thống sổ sách báo cáo.

+Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Đây là yêu cầu không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đáp ứng được yêu cầu đối với thông tin là phải kịp thời, chính xác, phù hợp giúp việc ra quyết định đạt kết quả tối ưu.

+Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu các doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được, đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả. Sau một thời gian nghiên cứu tìm hiểu các phân hành nói chung và đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tốt hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

➤ *Ý kiến thứ nhất: Hạch toán việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ.*

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai lần: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Ưu điểm: Giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc....quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu dưới đây:

Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ

Mẫu số:08a-TT

Địa chỉ: Đường bao Trần Hưng Đạo,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

P.Đông Hải, Q, Hải An,TP. Hải Phòng

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho Việt Nam đồng)

Số:.....

Hôm nay, vàogiờ.....ngày.....tháng....năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:.....đại diện kế toán.

Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó:-Loại:		
2	-Loại:		
3	-Loại:		
		
III	Chênh lệch(III=I-II)		

Lý do: Thừa:.....

Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

➤ Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện về chứng từ sử dụng:

- Công ty nên sử dụng mẫu phiếu thu, phiếu chi và sổ sách theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Dưới đây là mẫu phiếu thu, phiếu chi theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC:

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ
ĐƯỜNG BAO TRẦN HƯNG ĐẠO, P.ĐÔNG HẢI, Q. HẢI
AN, TP.HẢI PHÒNG

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày.... Tháng....năm

Quyển số:.....

Số :.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nộp tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do nộp:.....

Số tiền:..... (Viết bằng chữ):.....

Kèm theo:..... Chứng từ gốc.

Ngày..... thángnăm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+Tỷ giá ngoại tệ:.....

+Số tiền quy đổi:.....

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

**ĐƯỜNG BAO TRẦN HƯNG ĐẠO, P.ĐÔNG HẢI,
Q. HẢI AN, TP.HẢI PHÒNG**

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Quyển số:.....

Ngày.... Tháng....năm

Số :.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nộp tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do nộp:.....

Số tiền:.....(Viết bằng chữ):.....

Kèm theo:.....Chứng từ gốc.

Ngày..... thángnăm.....

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nhận	Người lập biểu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+Tỷ giá ngoại tệ:.....

+Số tiền quy đổi:.....

➤ *Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113- Tiền đang chuyển vào hạch toán.*

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền nên mở tài khoản 113- Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang gửi trong các trường hợp sau: thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được lệnh chuyển có, giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.....

➤ *Ý kiến thứ tư : Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán:*

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Việc áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của con số trong kế toán.

Công ty lên sử dụng phần mềm kế toán vì hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng, hiệu quả mà giá cả phải chăng.

Sau đây em xin giới thiệu ba phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Phần mềm ESOFT:



Giá: 15.000.000 VNĐ

Phần mềm ESOFT là giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm dễ sử dụng phổ biến và đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. Phần mềm có đủ các tính năng như: Cập nhật các quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006 QĐ-BTC; Cho phép hạch toán thu, chi theo nhiều đối tượng. Tự động xử lý chênh lệch tỷ giá tức thời hoặc vào cuối kỳ; Theo dõi cộng nợ chi tiết theo từng khách hàng tự động tính lương, thuế thu nhập, bảo hiểm; Tự động kết chuyển lãi-lỗ. Kết xuất báo cáo ra nhiều định dạng khác nhau: Excel, Word

+Phần mềm MISA:



Giá: 12.950.000 VNĐ

Với việc đáp ứng đủ các yêu cầu nghiệp vụ, quản lý trong Thông tư 153/2010/TT-BTC, thông tư 13/2011/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Tổng cục thuế đã thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP. MISA SME. NET 2010 sẽ là công cụ đắc lực giúp Doanh nghiệp tự tạo và in hóa đơn theo đúng quy định, góp phần tích cực cùng Doanh nghiệp và các cơ quan chức năng để Nghị định 51/2010/NĐ-CP phát huy hiệu quả cao.

+Phần mềm Meta Data Accounting



Giá: 8.000.000 VNĐ.

Meta Data Accounting vừa đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính kế toán của Doanh nghiệp mà còn cung cấp cho nhà Quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho hàng, bộ phận kế toán... và được Meta Data xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra. Với chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến máy tính chuyên nghiệp cao, có khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Luôn cập nhật kịp thời các đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế: quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Hỗ trợ hình thức sổ kế toán: Nhật ký Chung và Nhật ký chứng từ.

Xí nghiệp nên sử dụng phần mềm ESOFTE vì phần mềm kế toán này rất hiện đại , tiện lợi, dễ sử dụng. Nếu cán bộ kế toán Xí nghiệp khai thác hết hiệu quả sử dụng máy vi tính thì sẽ giúp cho công tác hạch toán kế toán của Xí nghiệp ngày càng đạt hiệu quả hơn.

Trên đây là một số phương hướng hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em mạnh dạn nêu ra, mong rằng đó là những phương hướng đem lại hiệu quả nào đó cho Xí nghiệp.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó rất quan trọng. Thông qua công tác kế toán vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy sản xuất kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ, cùng với sự chỉ bảo giúp đỡ tận tình của các cô chú phòng kế toán và cô giáo hướng dẫn. Em đã tìm hiểu được sâu hơn về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Cũng trong thời gian thực tập này em đã nhận thức được rằng lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phải biết vận dụng linh hoạt lý thuyết đã được học cho phù hợp với tình hình thực tế và cũng tại đây em đã học được nhiều kinh nghiệm bổ ích sau này.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn trong quá trình nghiên cứu. Bài viết này không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp chỉ bảo của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Xí nghiệp Xếp Dỡ Chùa Vẽ cùng toàn thể cô chú trong ban Tài chính - Kế toán của công ty và cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn – Thạc sĩ Hòa Thị Thanh hương đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Hoàng Thị Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN	3
VÀ TỔ CHỨC CÔNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	3
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền.	3
1.1.2 Đặc điểm vốn bằng tiền.....	3
1.1.3 Phân loại vốn bằng tiền.	3
1.1.4 Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	4
1.1.4.1 Vị trí.....	4
1.1.4.2 Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.	4
1.1.5 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.5.1 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.5.2 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.	5
1.2 Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.	5
1.2.1 Những quy định chung về hạch toán vốn kế toán vốn bằng tiền.	5
1.2.2 Hạch toán kế toán tiền mặt.	7
1.2.2.1 Kế toán chi tiết tiền mặt.	7
1.2.2.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt.	11
1.2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.	15
1.2.3.1 Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.	15
1.2.3.2 Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân Hàng.	17
1.2.4 Kế toán tiền đang chuyển.	21
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.4.3 Nguyên tắc kế toán đang chuyển.	22

1.2.5 Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.	24
1.2.5.1 Hình thức Nhật ký chung	24
1.2.5.2 Hình thức Nhật ký- Sổ cái.....	26
1.2.5.3 Hình thức Nhật ký-Chứng từ	27
1.2.5.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
1.2.5.5 Hình thức kế toán máy	29
PHẦN II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN.....	30
VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ.....	30
2.1 Giới thiệu chung về Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.	30
2.1.1.1 Tình hình, đặc điểm của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.	31
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ trong quá trình hoạt động.	32
2.1.2.1 Thuận lợi.	32
2.1.2.2 Khó khăn.	32
2.1.2.3 Những thành tích cơ bản mà Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ đạt được trong những năm gần đây.	32
2.1.2.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	34
2.1.2.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán chính sách kế toán áp dụng tại xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	38
2.1.2.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán :.....	38
2.1.2.5.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Xí nghiệp:.....	40
2.1.2.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp:	43
2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	44
2.2.1 Thực tế công tác kế toán tiền mặt tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	44
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	44
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng.....	45
2.2.1.3 Sổ sách sử dụng.....	45
2.2.1.4 Quy trình hạch toán:	45

2.2.1.5 Kế toán chi tiết tiền mặt:	46
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.	59
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.	59
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.	59
2.2.2.3 Sổ sách sử dụng.	59
2.2.2.4 Quy trình ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng	61
PHẦN III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ..	74
3.1 Nhận xét đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.	74
3.1.2 Những hạn chế	76
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	78
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.	78
3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện.	78
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.	80
KẾT LUẬN	89